

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
THAC MO HYDROPOWER
JOINT STOCK COMPANY**

Số: 1363/TMP-TCKT

No.:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness**

Đồng Nai, ngày 02 tháng 6 năm 2026

Dong Nai, June 02, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
To: - *State Securities Commission of Vietnam;*
- *HoChiMinh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức/*Name of organization:* **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ/
Thac Mo Hydropower Joint Stock Company.**

- Mã chứng khoán/*Stock code:* **TMP.**

- Địa chỉ/*Address:* Khu phố Thác Mơ 5, phường Phước Long, thành phố Đồng Nai/
Thac Mo 5 Quarter, Phuoc Long Ward, Dong Nai City.

- Điện thoại liên hệ/*Tel.:* 028.36223376 Fax: 0271.3778268.

- Email: nabtk@tmhpp.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (kèm theo Biên bản số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 02/06/2026 và Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/06/2026)/ *Thac Mo Hydropower Joint Stock Company (“the Company”) hereby announces the Minutes and Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders (attached herewith are Minutes No. 01/BB-ĐHĐCĐ dated June 02, 2026 and Resolution No. 02/NQ-ĐHĐCĐ dated June 02, 2026).*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 02/06/2026 tại đường dẫn <https://www.tmhpp.com.vn/c2/pages-c/Co-dong-5.aspx>./This information was published on the Company’s website on June 02, 2026 as in the link: <https://www.tmhpp.com.vn/c2/pages-c/Co-dong-5.aspx>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên/*As above;*

- CT.HĐQT/

Chairman of the BOD;

- Lưu: VT, TCKT/

Archive: Clerk, Finance and Accounting De.

**ĐẠI DIỆN CTCP THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
REPRESENTATIVE OF THAC MO
HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE**



**TỔNG GIÁM ĐỐC/GENERAL DIRECTOR
Nguyễn Lê Hoàng**

**BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

- Tên Doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.
- Địa chỉ: Khu phố Thác Mơ 5, phường Phước Long, thành phố Đồng Nai.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3800311306, đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008, thay đổi lần thứ 11 ngày 01/10/2025 do Sở tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.
- Thời gian Đại hội: Vào lúc 09h00' ngày 02/06/2026.
- Địa điểm Đại hội: Tòa nhà e.town 1, số 364 Cộng Hòa, phường Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chương trình và nội dung Đại hội: Theo Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Chủ tọa Đại hội: Ông Huỳnh Văn Khánh - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
- Thư ký Đại hội: Ông Vũ Văn Bằng.

Diễn biến Đại hội

A. Khai mạc Đại hội

1. Ông Ngô Thành Danh, Phó Trưởng phòng Hành chính và Lao động thay mặt Ban tổ chức tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự Đại hội.

Thành phần tham dự gồm có: Hội đồng quản trị Công ty, Ban Kiểm soát Công ty và các Cổ đông được quyền tham dự Đại hội theo danh sách sở hữu cổ phần chốt ngày 25/03/2026.

2. Ông Đào Nguyên Hạnh - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, cụ thể như sau: Có tổng số 37 Cổ đông/ Đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện 66.534.983 cổ phần, chiếm tỷ lệ 95,05% trong tổng số 70.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Đại hội đã thống nhất thông qua Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 % (Kèm theo Danh sách và Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông).

3. Ông Ngô Thành Danh - Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu. Đại hội đã biểu quyết nhất trí 100% thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu:

3.1. Đoàn chủ tịch:

- | | | | |
|-------|----------------------|-----------------|------------|
| - Ông | : Huỳnh Văn Khánh | Chủ tịch HĐQT | Chủ tọa |
| - Ông | : Nguyễn Lê Hoàng | Thành viên HĐQT | Thành viên |
| - Ông | : Nguyễn Quang Quyền | Thành viên HĐQT | Thành viên |

3.2. Ban Thư ký:

- | | | |
|-------|-------------------------|------------|
| - Ông | : Vũ Văn Bằng | Trưởng ban |
| - Bà | : Hồ Nguyễn Phương Trâm | Thành viên |

3.3. Ban kiểm phiếu:

- | | | |
|-------|------------------------|------------|
| - Ông | : Nguyễn Hải Đăng | Trưởng ban |
| - Bà | : Đặng Thúy Linh | Thành viên |
| - Bà | : Hoàng Thị Thanh Thủy | Thành viên |

B. Thông qua chương trình, tài liệu và Quy chế tổ chức Đại hội

1. Ông Huỳnh Văn Khánh - Chủ tọa Đại hội trình bày Chương trình, tài liệu Đại hội. Đại hội đã thống nhất thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% (*Kèm theo Chương trình, tài liệu Đại hội*).

2. Ông Huỳnh Văn Khánh - Chủ tọa Đại hội trình bày Quy chế tổ chức họp, Quy định thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Đại hội đã thống nhất thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% (*Kèm theo Quy chế tổ chức họp và Quy định thể lệ biểu quyết*).

C. Trình bày các vấn đề tại Đại hội

1. Ông Nguyễn Lê Hoàng - Tổng giám đốc Công ty trình bày:

1.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2025, kế hoạch năm 2026.

1.2. Tờ trình thông qua báo cáo tiền lương, thù lao năm 2025 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

1.3. Tờ trình nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

2. Bà Bùi Thị Kim Na - Kế toán trưởng trình bày:

2.1. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

2.2. Tờ trình thông qua báo cáo giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ với các bên có liên quan năm 2025 và dự kiến năm 2026.

3. Ông Huỳnh Văn Khánh - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty trình bày:

3.1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025.

3.2. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Công ty.

4. Bà Lê Nguyễn Khánh Linh - Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày:

4.1. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.

4.2. Tờ trình Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.

D. Đại hội thảo luận: Đại hội không có ý kiến góp ý.

E. Biểu quyết thông qua văn kiện Đại hội

Ông Nguyễn Hải Đăng - Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn Cổ đông thực hiện thủ tục biểu quyết các nội dung Đại hội tại ĐHĐCĐ thường niên 2026.

Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu, gồm các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025, kế hoạch năm 2026 gồm các nội dung chính:

1.1. Kết quả sản xuất điện năm 2025

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
1	Sản lượng điện đầu cực	Triệu kWh	825
	Thủy điện Thác Mơ	Triệu kWh	755
	Điện mặt trời Thác Mơ	Triệu kWh	70
2	Sản lượng điện giao nhận	Triệu kWh	820
	Thủy điện Thác Mơ	Triệu kWh	750
	Điện mặt trời Thác Mơ	Triệu kWh	70

1.2. Kết quả kinh doanh riêng năm 2025

- Tổng doanh thu: 712,92 tỷ đồng.

- Tổng chi phí: 350,48 tỷ đồng.

- Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN: 362,44 tỷ đồng.

- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN: 303,78 tỷ đồng.

1.3. Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2025

- Tổng doanh thu: 822,38 tỷ đồng.
- Tổng chi phí: 435,80 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN: 386,58 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN: 323,05 tỷ đồng.

1.4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2026
1	Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	762
1.1	Thủy điện Thác Mơ	Triệu kWh	693
1.2	Điện mặt trời	Triệu kWh	69
2	Doanh thu	Tỷ đồng	676,17
3	Chi phí	Tỷ đồng	386,06
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	290,11
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	246,88
6	TSLN/VĐL	(%)	35,27

b. Kế hoạch Sửa chữa lớn

Đvt: tỷ đồng

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch	Ghi chú
A	Chuyển tiếp năm 2025	5,34	
1	Tổ máy H1	2,67	
	Hệ thống phanh tổ máy H1	2,67	
2	Tổ máy H2	2,67	
	Hệ thống phanh tổ máy H2	2,67	
B	Kế hoạch năm 2026	41,73	
I	Thiết bị	38,19	
1	Tổ máy H2	1,52	
	Phần thiết bị điện	0,78	
	Phần cơ khí thủy lực	0,74	
2	HT điều khiển và bảo vệ NM Thủy điện Thác Mơ	36,67	
	Khởi tổ máy số 2	29,63	
	Opy 110kV và Phụ trợ	7,04	
II	Phần công trình	3,54	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch	Ghi chú
1	SCL hệ thống mương thoát nước Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ – Khu 1.2, Khu 3 và Khu 6	3,54	
	Tổng cộng	47,07	

c. Kế hoạch đầu tư

❖ Kế hoạch đầu tư xây dựng

- Nhà máy ĐMT Thác Mơ giai đoạn 2 (100 MWp): Thực hiện các hồ sơ thủ tục để tham gia đấu thầu chủ đầu tư. Đồng thời, thực hiện các bước tiếp theo như nghiên cứu thực hiện các báo cáo chuyên ngành, lập hồ sơ FS, thẩm tra FS.

- Nhà máy ĐMT Thác Mơ giai đoạn 2 (275 MWp): Phối hợp các cơ quan, ban ngành để điều chỉnh giai đoạn thực hiện từ sau 2030 sang giai đoạn 2026-2030 trong Quy hoạch thành phố Đồng Nai.

- Đầu tư hệ thống ĐMT mái nhà tự sản tự tiêu.
- Thực hiện các thủ tục để đầu tư xây dựng kho vật tư.

❖ Kế hoạch vốn

Đvt: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch năm 2026		
		Vốn tự có	Vốn vay	Tổng
1	Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phục vụ giám sát và điều hành sản xuất tại TMP	2,20		2,20
2	ĐMT Thác Mơ giai đoạn 2 (100 MWp)	0,50		0,50
3	ĐMT Thác Mơ giai đoạn 2 (275 MWp)	0,50		0,50
4	ĐMT Thác Mơ giai đoạn 3	0,47		0,47
5	Xây dựng kho vật tư thiết bị	3,59		3,59
6	Trung tâm Điều khiển và Giám sát từ xa nhà máy Thủy điện Thác Mơ	Dự án tập trung của EVNGENCO2, đang lập FS do đó đăng ký DM, chưa đăng ký giá trị		
7	Hệ thống đảm bảo an toàn an ninh thông tin phục vụ điều hành và giám sát vận hành NMTĐ Thác Mơ			
8	ĐMT mái nhà tự sản tự tiêu	2,17		2,17
	TỔNG CỘNG	9,43	-	9,43

Ghi chú: Cơ cấu nguồn vốn tự có/vay sẽ được Công ty cân đối các nguồn vốn, dòng tiền và đề xuất khi các cấp có thẩm quyền thông qua chủ trương.

❖ **Kế hoạch mua sắm tài sản**

Dvt: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch	Ghi chú
I	Chuyển tiếp từ năm 2025	6,07	
1	Máy lọc dầu bôi trơn	4,32	Chuyển vốn từ 2025
2	Hệ thống giám sát rung đảo	1,75	Chuyển vốn từ 2025
II	Kế hoạch năm 2026	16,89	
3	Xe ô tô 7 chỗ	1,45	
4	Mua sắm máy biến áp kích từ	2,85	
5	Giám sát nhiệt độ inverter Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ	2,46	
6	Lắp đặt HT camera giám sát thiết bị, bảo vệ, an ninh công trình (Giai đoạn 2)	3,03	
7	Mua sắm máy chủ phục vụ các phần mềm ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)	7,10	
TỔNG CỘNG		22,96	

d. Kế hoạch ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Dvt: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch	Ghi chú
I	Chuyển tiếp từ năm 2025	2,39	
1	Phần mềm Dự báo lưu lượng về hồ (ứng dụng AI vào phần mềm dự báo)	2,39	
II	Kế hoạch năm 2026	7,29	
1	Tiền thưởng cho sáng kiến	0,20	
2	Chi phí cho công tác quản lý hoạt động KHCN	0,10	
3	Ứng dụng chạy trên iOS và Android phần mềm phục vụ SXKD - Giai đoạn 2	0,98	
4	Ứng dụng AI dự báo công suất ĐMT	1,50	
5	Giám sát tầm pin và nhiệt độ môi nổi đường dây 22kV bằng UAV tích hợp AI	4,51	
TỔNG CỘNG		9,68	

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

2. Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán:

2.1. Thông qua Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau:

- Tổng cộng tài sản	: 2.081.644.318.971 đồng.
+ Tài sản ngắn hạn	: 1.144.581.525.948 đồng.
+ Tài sản dài hạn	: 937.062.793.023 đồng.
- Tổng cộng nguồn vốn	: 2.081.644.318.971 đồng.
+ Nợ phải trả	: 532.418.279.602 đồng.
+ Nguồn vốn chủ sở hữu	: 1.549.226.039.369 đồng.

2.2. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau:

- Tổng cộng tài sản	: 2.252.005.535.186 đồng.
+ Tài sản ngắn hạn	: 1.189.904.933.796 đồng.
+ Tài sản dài hạn	: 1.062.100.601.390 đồng.
- Tổng cộng nguồn vốn	: 2.252.005.535.186 đồng.
+ Nợ phải trả	: 558.974.445.878 đồng.
+ Nguồn vốn chủ sở hữu	: 1.693.031.089.308 đồng.

Báo cáo tài chính năm 2025 của TMP đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán đính kèm.

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

3. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025.

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

4. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ như sau:

5.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Đvt: đồng

Stt	Nội dung	Phân phối lợi nhuận 2025
I	Tổng lợi nhuận được phân phối (1) + (2)	424.936.475.625
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2025	303.782.545.006
2	Lợi nhuận các năm trước để lại	121.153.930.619

Stt	Nội dung	Phân phối lợi nhuận 2025
II	Phương án phân phối lợi nhuận	371.791.887.503
1	Quỹ Đầu tư phát triển	151.891.272.503
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	9.900.615.000
3	Cổ tức bằng tiền mặt (30%)	210.000.000.000
	Trong đó:	
	- Đã tạm ứng năm 2025 (10%)	70.000.000.000
	- Còn lại chi trả năm 2026 (20%)	140.000.000.000
4	Lợi nhuận để lại	53.144.588.122

5.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

- Tỷ lệ cổ tức: 20%.
- Trích quỹ Đầu tư phát triển: 50% lợi nhuận sau thuế.
- Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi: 03 tháng tiền lương thực hiện.
- ✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.*

6. Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao năm 2025 và dự kiến tiền lương, thù lao năm 2026 của thành viên HĐQT và BKS, gồm:

6.1. Thực hiện năm 2025

Tổng: 2.842.968.000 đồng, trong đó:

- Tiền lương Chủ tịch HĐQT 768.457.000 đồng.
- Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát 642.338.000 đồng.
- Tiền lương Thành viên HĐQT chuyên trách 1 (12 tháng) 621.314.000 đồng.
- Tiền lương Thành viên HĐQT chuyên trách 2 (4,5 tháng) 236.936.000 đồng.
- Thù lao Thành viên HĐQT không chuyên trách 325.399.000 đồng.
- Thù lao Thành viên BKS không chuyên trách 248.524.000 đồng.

6.2. Dự kiến năm 2026:

Tổng: 3.072.000.000 đồng, trong đó:

- Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách 888.000.000 đồng.
- Tiền lương Thành viên HĐQT chuyên trách 720.000.000 đồng.
- Thù lao Thành viên HĐQT không chuyên trách 432.000.000 đồng.
- Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách 744.000.000 đồng.
- Thù lao Thành viên BKS không chuyên trách 288.000.000 đồng.

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

7. Thông qua các giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ với các bên có liên quan năm 2025 và dự kiến năm 2026.

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

8. Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

9. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

F. Bế mạc Đại hội

Ông Vũ Văn Bằng - Thư ký Đại hội đọc Biên bản và Nghị quyết Đại hội trước toàn thể Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí 100% thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Ông Huỳnh Văn Khánh - Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ lúc 11h15' ngày 02/06/2026.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Vũ Văn Bằng

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Huỳnh Văn Khánh

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/09/2025;

Căn cứ Biên bản số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 02/06/2026 về việc Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

1.1. Kết quả sản xuất điện năm 2025

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
1	Sản lượng điện đầu cực	Triệu kWh	825
	Thủy điện Thác Mơ	Triệu kWh	755
	Điện mặt trời Thác Mơ	Triệu kWh	70
2	Sản lượng điện giao nhận	Triệu kWh	820
	Thủy điện Thác Mơ	Triệu kWh	750
	Điện mặt trời Thác Mơ	Triệu kWh	70

1.2. Kết quả kinh doanh riêng năm 2025:

- Tổng doanh thu: 712,92 tỷ đồng.
- Tổng chi phí: 350,48 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN: 362,44 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN: 303,78 tỷ đồng.

1.3. Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2025

- Tổng doanh thu:	822,38 tỷ đồng.
- Tổng chi phí:	435,80 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN:	386,58 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN:	323,05 tỷ đồng.

2. Kế hoạch năm 2026

2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2026
1	Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	762
	Thủy điện Thác Mơ	Triệu kWh	693
	Điện mặt trời	Triệu kWh	69
2	Doanh thu	Tỷ đồng	676,17
3	Chi phí	Tỷ đồng	386,06
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	290,11
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	246,88
6	TSLN/VĐL	(%)	35,27

2.2. Kế hoạch Sửa chữa lớn

Đvt: tỷ đồng

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch	Ghi chú
A	Chuyển tiếp năm 2025	5,34	
1	Tổ máy H1	2,67	
	Hệ thống phanh tổ máy H1	2,67	
2	Tổ máy H2	2,67	
	Hệ thống phanh tổ máy H2	2,67	
B	Kế hoạch năm 2026	41,73	
I	Thiết bị	38,19	
1	Tổ máy H2	1,52	
	Phần thiết bị điện	0,78	
	Phần cơ khí thủy lực	0,74	
2	HT điều khiển và bảo vệ NM Thủy điện Thác Mơ	36,67	
	Khởi tổ máy số 2	29,63	
	Opy 110kV và Phụ trợ	7,04	
II	Phần công trình	3,54	

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch	Ghi chú
1	SCL hệ thống mương thoát nước Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ – Khu 1.2, Khu 3 và Khu 6	3,54	
	Tổng cộng	47,07	

2.3. Kế hoạch đầu tư

❖ Kế hoạch đầu tư xây dựng

- Nhà máy ĐMT Thác Mơ giai đoạn 2 (100 MWp): Thực hiện các hồ sơ thủ tục để tham gia đấu thầu chủ đầu tư và thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư.

- Nhà máy ĐMT Thác Mơ giai đoạn 2 (275 MWp): Phối hợp các cơ quan, ban ngành để điều chỉnh giai đoạn thực hiện từ sau 2030 sang giai đoạn 2026-2030 trong Quy hoạch thành phố Đồng Nai.

- Lắp đặt hệ thống ĐMT mái nhà tự sản tự tiêu.

- Xây dựng kho vật tư thiết bị thu hồi và chất thải nguy hại.

❖ Kế hoạch vốn

Đvt: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch năm 2026		
		Vốn tự có	Vốn vay	Tổng
1	Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phục vụ giám sát và điều hành sản xuất tại TMP	2,20		2,20
2	ĐMT Thác Mơ giai đoạn 2 (100 MWp)	0,50		0,50
3	ĐMT Thác Mơ giai đoạn 2 (275 MWp)	0,50		0,50
4	ĐMT Thác Mơ giai đoạn 3	0,47		0,47
5	Xây dựng kho vật tư thiết bị	3,59		3,59
6	Trung tâm Điều khiển và Giám sát từ xa nhà máy Thủy điện Thác Mơ	Dự án tập trung của EVNGENCO2, đang lập FS do đó đăng ký DM, chưa đăng ký giá trị		
7	Hệ thống đảm bảo an toàn an ninh thông tin phục vụ điều hành và giám sát vận hành NMTĐ Thác Mơ			
8	ĐMT mái nhà tự sản tự tiêu	2,17		2,17
	TỔNG CỘNG	9,43	-	9,43

Ghi chú: Cơ cấu nguồn vốn tự có/vay sẽ được Công ty cân đối các nguồn vốn, dòng tiền và đề xuất khi các cấp có thẩm quyền thông qua chủ trương.

❖ Kế hoạch mua sắm tài sản

Đvt: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch	Ghi chú
I	Chuyển tiếp từ năm 2025	6,07	
1	Máy lọc dầu bôi trơn	4,32	Chuyển vốn từ 2025
2	Hệ thống giám sát rung đảo	1,75	Chuyển vốn từ 2025
II	Kế hoạch năm 2026	16,89	
3	Xe ô tô 7 chỗ	1,45	
4	Mua sắm máy biến áp kích từ	2,85	
5	Giám sát nhiệt độ inverter Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ	2,46	
6	Lắp đặt HT camera giám sát thiết bị, bảo vệ, an ninh công trình (Giai đoạn 2)	3,03	
7	Mua sắm máy chủ phục vụ các phần mềm ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)	7,10	
TỔNG CỘNG		22,96	

2.4. Kế hoạch ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Đvt: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch	Ghi chú
I	Chuyển tiếp từ năm 2025	2,39	
1	Phần mềm Dự báo lưu lượng về hồ (ứng dụng AI vào phần mềm dự báo)	2,39	
II	Kế hoạch năm 2026	7,29	
1	Tiền thưởng cho sáng kiến	0,20	
2	Chi phí cho công tác quản lý hoạt động KHCN	0,10	
3	Ứng dụng chạy trên iOS và Android phần mềm phục vụ SXKD - Giai đoạn 2	0,98	
4	Ứng dụng AI dự báo công suất ĐMT	1,50	
5	Giám sát tẩm pin và nhiệt độ mối nối đường dây 22kV bằng UAV tích hợp AI	4,51	
TỔNG CỘNG		9,68	

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán như sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau:

- Tổng cộng tài sản	: 2.081.644.318.971 đồng.
+ Tài sản ngắn hạn	: 1.144.581.525.948 đồng.
+ Tài sản dài hạn	: 937.062.793.023 đồng.
- Tổng cộng nguồn vốn	: 2.081.644.318.971 đồng.
+ Nợ phải trả	: 532.418.279.602 đồng.
+ Nguồn vốn chủ sở hữu	: 1.549.226.039.369 đồng.

2. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau:

- Tổng cộng tài sản	: 2.252.005.535.186 đồng.
+ Tài sản ngắn hạn	: 1.189.904.933.796 đồng.
+ Tài sản dài hạn	: 1.062.100.601.390 đồng.
- Tổng cộng nguồn vốn	: 2.252.005.535.186 đồng.
+ Nợ phải trả	: 558.974.445.878 đồng.
+ Nguồn vốn chủ sở hữu	: 1.693.031.089.308 đồng.

Báo cáo tài chính năm 2025 của TMP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đính kèm.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.*

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ năm 2025.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.*

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ năm 2025.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.*

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ như sau:

5.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Dvt: đồng

Stt	Nội dung	Phân phối lợi nhuận 2025
I	Tổng lợi nhuận được phân phối (1) + (2)	424.936.475.625
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2025	303.782.545.006
2	Lợi nhuận các năm trước để lại	121.153.930.619
II	Phương án phân phối lợi nhuận	371.791.887.503
1	Quỹ Đầu tư phát triển	151.891.272.503
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	9.900.615.000
3	Cổ tức bằng tiền mặt (30%)	210.000.000.000
	Trong đó:	
	- Đã tạm ứng năm 2025 (10%)	70.000.000.000
	- Còn lại chi trả năm 2026 (20%)	140.000.000.000
4	Lợi nhuận để lại	53.144.588.122

5.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

- Tỷ lệ cổ tức: 20%.

- Trích quỹ Đầu tư phát triển: 50% lợi nhuận sau thuế.

- Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi: 03 tháng tiền lương thực hiện.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.*

Điều 6. Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao năm 2025 và dự kiến tiền lương, thù lao năm 2026 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ như sau:

1. Tổng số tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 là: 2.842.968.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

2. Tổng số tiền lương, thù lao dự kiến năm 2026 là: 3.072.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, không trăm bảy mươi hai triệu đồng).

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.*

Điều 7. Thông qua các giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ với các bên có liên quan năm 2025 và dự kiến năm 2026.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.*

Điều 8. Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 cho Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.*

Điều 9. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.534.983 CP, chiếm tỷ lệ 100%.*

Điều 10. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 02/06/2026. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- Toàn thể cổ đông qua website;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: Thư ký Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Huỳnh Văn Khánh

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh - đầu tư năm 2025
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh - đầu tư năm 2026

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Năm 2025, trong bối cảnh thị trường điện và thủy văn biến động, Công ty đã chủ động điều hành bám sát định hướng của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và Hội đồng quản trị (HĐQT); tối ưu vận hành, đảm bảo an toàn hệ thống và cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

Với sự hỗ trợ của cổ đông lớn, cơ quan quản lý và sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị, Công ty đã phát huy hiệu quả nội lực, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Ban điều hành điều hành quyết liệt, có trọng tâm; bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, hướng tới mục tiêu hiệu quả và phát triển bền vững.

Tại Đại hội thường niên, Công ty trình bày kết quả thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026 để xem xét, thông qua.

Trong kỳ Đại hội thường niên lần này, Đại hội sẽ đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu của năm 2025, định hướng và đề ra các giải pháp triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2026 cho Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Phần I

Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2025

A. Sản xuất kinh doanh

1. Kết quả sản xuất điện

Trong năm 2025, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty nhìn chung đều hoàn thành so với kế hoạch, cụ thể như sau:

1.1. Nhà máy Thủy điện Thác Mơ

Tình hình thủy văn, lưu lượng về hồ khả quan hơn dự báo năm 2024. Tuy nhiên, để đảm bảo an ninh năng lượng cho các tháng cuối mùa khô, đồng thời thực hiện theo chỉ đạo của EVN và EVNGENCO2, Công ty đã chủ động lập kế hoạch khai thác hợp lý nhằm duy trì mực nước hồ cao vào cuối tháng 03 (tháng 01, tháng 02 và tháng 03 chạy

phát vừa phải đáp ứng nhu cầu năng lượng). Bên cạnh đó, Công ty luôn bám sát thị trường, thường xuyên cập nhật tính toán, bám sát tình hình diễn biến thủy văn, dự báo lưu lượng nước về hồ Thác Mơ để lập kế hoạch khai thác tối ưu hồ chứa, đảm bảo công tác tham gia Thị trường với giá chào tối ưu và đạt doanh thu cao nhất có thể, kết quả sản xuất đạt được cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)
1	Sản lượng điện đầu cực	GWh	663	755	114%
2	Sản lượng điện giao nhận	GWh	658	750	114%
3	Lưu lượng về	m ³ /s	92	118	128%
4	Lưu lượng xả	m ³ /s	-	5,6	
5	Mức nước hồ cuối kỳ	m	215,00	216,89	

1.2. Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ 50 MWp

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)
1	Sản lượng điện đầu cực	GWh	69,3	69,9	100%
2	Sản lượng điện giao nhận	GWh	68,7	69,5	100%

2. Kết quả kinh doanh

2.1. Kết quả kinh doanh TMP

STT	Chỉ tiêu	Đơn	Năm 2025		Tỷ lệ (%)
		vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	
I	Sản lượng điện đầu cực	Tr.kWh	732	825	112%
	Thủy điện	Tr.kWh	663	755	113%
	Điện mặt trời	Tr.kWh	69	70	100%
II	Sản lượng điện giao nhận	Tr.kWh	727	820	112%
	Thủy điện	Tr.kWh	658	750	113%
	Điện mặt trời	Tr.kWh	69	70	100%
III	Tổng doanh thu	Tr.đ	703.457	712.924	101%
1	Doanh thu sản xuất điện	Tr.đ	587.730	615.114	105%
	Thủy điện	Tr.đ	467.769	491.625	105%
	Điện mặt trời	Tr.đ	119.961	123.489	103%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	91.010	82.245	90%
3	Doanh thu khác	Tr.đ	24.717	15.564	63%
IV	Tổng chi phí	Tr.đ	362.716	350.475	97%
1	Chi phí sản xuất điện	Tr.đ	346.678	337.709	97%

STT	Chỉ tiêu	Đơn	Năm 2025		Tỷ lệ (%)
		ví tính	Kế hoạch	Thực hiện	
2	Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đ			
3	Chi phí dịch vụ khác	Tr.đ	16.038	12.766	80%
V	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	340.741	362.449	106%
VI	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	289.849	303.783	105%
VII	Tỷ suất LNST/VĐL	%	41,41%	43,40%	105%
VIII	Tỷ suất LNST/VCSH	%	18,71%	19,61%	105%
IX	Cổ tức	%	20%	30%	150%

2.2. Công tác sửa chữa thường xuyên thiết bị, công trình

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai thực hiện sửa chữa thường xuyên theo đúng kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

2.2.1. Tình hình sửa chữa các tổ máy

Stt	Thiết bị	Kế hoạch	Thực hiện
1	SCBD khối tổ máy H1	07/02-28/02	07/02-27/02
2	Đại tu khối tổ máy H1	01/11-30/11	01/12-23/12
3	SCBD theo RCM khối tổ máy H2	01/12-30/12	01/11-25/11
4	SCBD khối tổ máy H2	08/03-14/03	02/03-07/03
5	Thay thế MBT 2T	24/12-26/12	24/12-26/12

2.2.2. Tình hình thực hiện chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Đánh giá
1	Hệ số khả dụng (%)	87,31	89,48	Đạt
2	Tỷ lệ dừng máy sự cố (%)	0,40	0,02	Đạt
3	Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng (%)	12,29	10,50	Đạt
4	Tỷ lệ điện tự dừng (%)	0,83	0,61	Đạt

3. Giá cổ phiếu và tỷ lệ chi trả cổ tức

3.1. Giá cổ phiếu

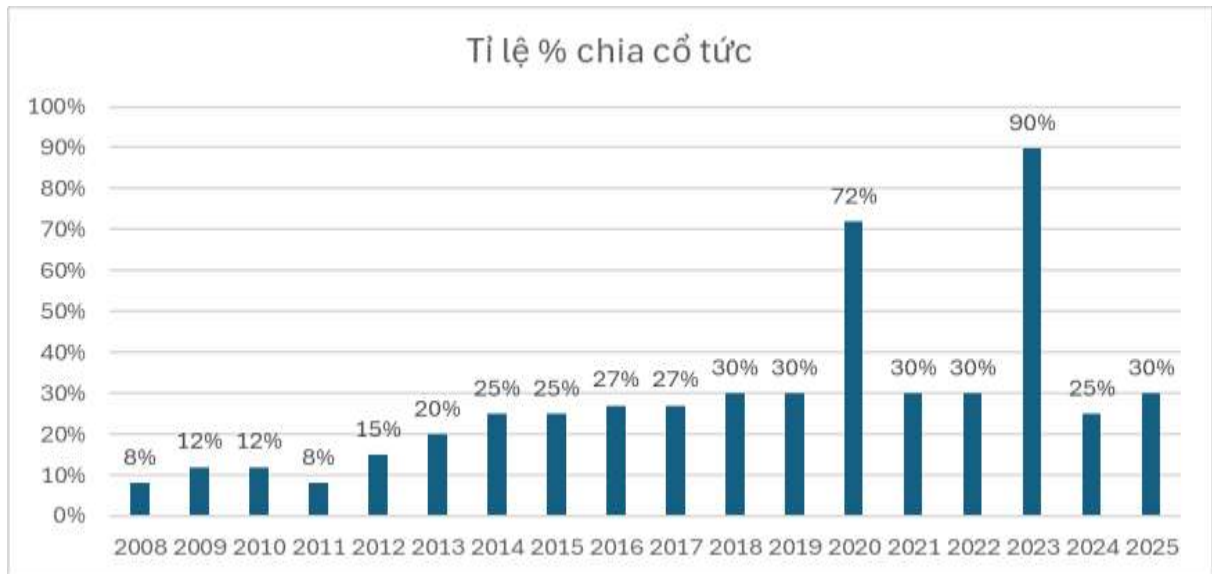
Giá cổ phiếu của Công ty có xu hướng tăng qua các năm, biểu đồ giá cổ phiếu của Công ty từ ngày 01/04/2009 đến ngày 01/04/2026 như sau:



Nguồn: <https://s.cafef.vn/>

3.2. Tỷ lệ chi trả cổ tức

Tỷ lệ chi trả cổ tức trung bình từ năm 2008-2025 là 29% và có xu hướng tăng qua các năm, cụ thể theo biểu đồ dưới đây:



B. Đầu tư mua sắm tài sản

Stt	Hạng mục	Thực hiện 2025
1	Máy lọc dầu bôi trơn	Giám sát Hợp đồng
2	Thiết bị giám sát rung đảo máy phát	Giám sát Hợp đồng
3	Cung cấp, lắp đặt máy hút hơi dầu	Đã hoàn thành
4	Hệ thống vô tuyến	Đã hoàn thành
5	Hệ thống lọc dầu điều tốc H1 và H2	Đã hoàn thành

Stt	Hạng mục	Thực hiện 2025
6	Máy phay mặt bích	Đã hoàn thành
7	Máy siết bu lông	Đã hoàn thành
8	Máy phân tích thành phần kim loại	Đã hoàn thành
9	Máy đục lỗ thủy lực	Đã hoàn thành
10	Thiết bị phân tích khí SF6	Đã hoàn thành
11	Thiết bị kiểm tra buồng chân không máy cắt	Đã hoàn thành
12	Thiết bị thử nghiệm phân tích đáp ứng TS quét SFRA	Đã hoàn thành
13	Xe ô tô 7 chỗ	Đã hoàn thành
14	Hệ thống màn hình ghép (phòng họp A)	Đã hoàn thành
15	ĐZ 22kV đấu nối vào MBA T4	Đã hoàn thành
16	Hệ thống quản lý tuần tra thiết bị trong ca trực VH	Đã hoàn thành
17	Màn hình ghép led sân khấu hội trường khu B	Đã hoàn thành
18	Thay thế thiết bị bảo mật mạng tại Văn phòng Công ty	Đã hoàn thành
19	Tủ sấy	Đã hoàn thành
20	Nâng cấp Hệ thống Camera analog giám sát hiệu quả thiết bị công trình	Đã hoàn thành
21	Máy biến áp đầu cực máy phát T1 và 2T (121kV/13,8kV-88MVA)	Chuyển vốn từ SCL

C. Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Trong năm 2025, Phần mềm Quản lý kế hoạch và phần mềm quản lý kinh doanh thị trường điện do các Cán bộ của Công ty xây dựng và phát triển đã được Tập đoàn Điện lực Việt Nam công nhận là sáng kiến cấp Tập đoàn, Công ty đang tiếp tục triển khai các đề tài sau:

Stt	Hạng mục	Thực hiện năm 2025
1	Phần mềm Dự báo lưu lượng về hồ Thác Mơ	Đang giám sát hợp đồng
2	Nâng cấp hạ tầng CNTT đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số	Đã hoàn thành
3	Số hóa hồ sơ lưu trữ thư viện	Đã hoàn thành
4	Ứng dụng AI dự báo tình trạng bảo trì, bảo dưỡng nhà máy thủy điện (APM)	Chuyển tiếp năm 2027
5	Ứng dụng chạy trên IOS và Android phần mềm phục vụ SXKD - Giai đoạn 2	Chuyển tiếp năm 2026

D. Đầu tư xây dựng

Về dự án 100 MWp: TMP đã đề xuất UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận đầu tư và đề nghị thực hiện dự án 100 MWp. TMP đang bám sát, đôn đốc và phối hợp với các sở, ban, ngành để triển khai thực hiện.

E. Đầu tư góp vốn

Trong năm 2025, Công ty không có phát sinh đầu tư góp vốn. Giá trị đầu tư góp vốn vào các Công ty đến hết năm 2025 như sau:

Đvt: Tỷ đồng

Stt	Tên công ty	Vốn góp đến hết 2025	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ cổ tức thực nhận 2025 (%)
I	Công ty con			
1	CTCP Thủy điện Đăkrosa	48,93	61,17%	18,0%
2	CTCP Mỹ Hưng Tây Nguyên	137,20	99,78%	16,0%
II	Công ty liên kết			
1	CTCP Phong điện Thuận Bình	100,00	20,00%	15,0%
2	CTCP Đầu tư khai thác Hồ TĐ Thác Mơ	1,16	29,00%	3,0%
III	Đầu tư dài hạn khác			
1	Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	149,58	3,00%	2,0%
2	Công ty CP Cơ điện điện lực Đồng Nai	1,28	10,00%	12,0%
Tổng cộng		438,15		

F. Công tác khác

1. Công tác cải cách hành chính

Triển khai áp dụng đầy đủ, kịp thời các Quy chế Quản lý nội bộ dùng chung trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam, đến thời điểm hiện nay TMP đã ban hành các Quy chế Quản lý nội bộ liên quan đến hoạt động SXKD và ĐTXD của TMP. Các Quy chế Quản lý nội bộ sau khi được ban hành hoặc áp dụng trực tiếp đều được triển khai nhanh chóng thông qua hệ thống D-Office, đồng thời đăng tải lên Thư viện số để cán bộ công nhân viên nghiên cứu, tham mưu áp dụng trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Đối với công tác xây dựng hệ thống Quy chế Quản lý nội bộ/Tài liệu nội bộ TMP đã áp dụng, thường xuyên rà soát quy chế cho phù hợp.

Triệt để áp dụng các phần mềm dùng chung trong Tập đoàn như D-Office, HRMS, FMIS, PMIS, KPIs, phần mềm QLĐTXD, EVNPortal; Triển khai thực hiện đầy đủ các biểu mẫu báo cáo trên hệ thống EVNPortal; Thực hiện lập hồ sơ công việc điện tử và nộp hồ sơ lưu trữ theo quy định với tỷ lệ lập hồ sơ công việc và nộp hồ sơ lưu trữ 100%; Triển khai áp dụng chữ ký số 100% đối với hầu hết các văn bản (trừ văn bản mật) lưu chuyên trong nội bộ góp phần giảm đáng kể thời gian xử lý công việc và báo cáo giấy

2. Đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động

- Về thực hiện chế độ chính sách:

✓ Đời sống và việc làm của CBCNV luôn ổn định, trong năm không có CBCNV nào nghỉ việc do không có việc làm.

✓ Tổ chức cho toàn thể CBCNV tham quan, du lịch nước ngoài tại Các tiêu vương quốc Ả rập thống nhất; tổ chức khám sức khỏe định kỳ với chi phí mỗi CBCNV; hỗ trợ CBCNV gói bảo hiểm sức khỏe với chi phí là gần 4,5 triệu/người/gói.

✓ Tổ chức và triển khai công tác phòng chống dịch bệnh theo mùa, phòng chống bệnh nghề nghiệp một cách đầy đủ, kịp thời.

Ngoài ra, các chế độ chính sách khác liên quan đến người lao động (như thai sản, ốm đau, chế độ bảo hiểm,...) thực hiện đầy đủ, kịp thời. Mối quan hệ giữa người quản lý và người lao động hài hòa, ổn định.

- Về công tác đào tạo:

Năm 2025, Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu về đào tạo do EVNGENCO2 giao. Về số lượt bình quân đào tạo trên phần mềm E-learning, TMP đạt 36,21 lượt/người, vượt chỉ tiêu EVNGENCO2 giao (15 lượt/người).

Đặc biệt, trong năm 2025, Công ty đã tổ chức cho CBCNV ôn tập và tham dự các kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu; 100% CBCNV được cử tham gia đều hoàn thành và đạt chứng chỉ theo quy định. Bên cạnh đó, Công ty còn triển khai nhiều khóa đào tạo trọng tâm, thiết thực, gắn với yêu cầu sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển dài hạn, như: an toàn vệ sinh lao động, quản trị doanh nghiệp, thị trường điện, bảo trì Inverter, quản lý cấp 3 và cấp 4, tập huấn pháp luật, các tiêu chuẩn kỹ thuật IEC 61850 và IEC 60870-5-104, Deep Learning, trí tuệ nhân tạo và lãnh đạo bền vững.

3. Công tác truyền thông

Trên cơ sở Kế hoạch truyền thông của EVN/EVNGENCO2 đã ban hành, TMP đã xây dựng kế hoạch truyền thông cụ thể, phù hợp bám sát kế hoạch năm 2025 của TMP và nhiệm vụ Chủ đề năm.

Công tác thông tin tuyên truyền về hoạt động được TMP quan tâm thực hiện, bám sát các vấn đề quan tâm của dư luận và đạt được một số kết quả tích cực.

Tăng cường phối hợp, hợp tác với các cơ quan thông tấn báo chí, chủ động cung cấp thông tin nên đã từng bước định hướng được dư luận, hạn chế thông tin bất lợi. Trong năm 2025, không để xảy ra khủng hoảng truyền thông.

Công tác tuyên truyền, phối hợp với các địa phương ở hạ du trong việc điều tiết nước mùa khô, cũng như cảnh báo sớm việc vận hành xả nước điều tiết trong mùa mưa bão được đặc biệt chú trọng thực hiện nhằm giúp người dân hiểu rõ hơn về vai trò tích cực của Nhà máy Thủy điện. Mặt khác, nhờ có sự quan tâm sát sao của các cấp Lãnh đạo và sự linh hoạt, chủ động, tuân thủ nghiêm các quy trình điều tiết hồ chứa của lực lượng vận hành đã góp phần giảm mặn trong mùa khô và cắt lũ trong mùa mưa. Qua đó,

tạo được sự chia sẻ, đồng thuận của các tầng lớp nhân dân và được Quốc hội, các bộ ngành, các cấp chính quyền địa phương đánh giá cao trong công tác vận hành hồ chứa thủy điện.

4. Công tác an sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội cũng là một trong các công tác trọng tâm luôn được TMP chú trọng thực hiện tốt nhằm thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Ngoài ra, Công đoàn Công ty còn thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội như: Thăm hỏi và tặng quà cho các gia đình thương binh, chính sách nhân dịp Tết cổ truyền và Ngày kỷ niệm Thương binh Liệt sĩ; Vận động CBCNV đóng góp để ủng hộ cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn điều trị bệnh hiểm nghèo, qua đó thể hiện tinh thần tương thân tương ái, một truyền thống quý báu của dân tộc

5. Công tác thi đua khen thưởng

Quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng, các chính sách pháp luật của Nhà nước, Chính quyền và Công đoàn Công ty đã phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2025, TMP luôn xác định công tác, thi đua khen thưởng là nhiệm vụ quan trọng, liên tục và kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn công tác Thi đua - Khen thưởng cho phù hợp với tình hình thực tế. Qua việc khen thưởng kịp thời và nhân rộng các tấm gương điển hình tiên tiến, TMP đã góp phần tăng thêm nhận thức của cán bộ, người lao động trong việc nâng cao năng suất lao động, sáng tạo vì mục tiêu phát triển chung của TMP.

Năm 2025, Công ty có 72 cán bộ công nhân viên đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, có 04 tập thể và 22 cá nhân được đề xuất từ Giấy khen của EVNGENCO2 trở lên, cụ thể:

- ✓ Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ: Cá nhân: Đề xuất 01.
- ✓ Bằng khen của Bộ Tài chính: Tập thể: Đề xuất 01; Cá nhân: Đề xuất 07.
- ✓ Bằng khen của EVN: Cá nhân: 01.
- ✓ Giấy khen của EVNGENCO2: Tập thể: 03, Cá nhân: 13.
- ✓ Chiến sỹ thi đua cơ sở: 72 người.

Thường xuyên phối hợp công đoàn và các phòng ban đề xuất xét tặng khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong các hoạt động SXKD, xây dựng và phát triển Công ty, như hoạt động phát huy sáng kiến, công tác bảo hộ lao động, duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO, xây dựng VHDN, v.v...; Thực hiện khen thưởng CBCNV các dịp lễ tết và tổ chức xét thi đua khen thưởng tổng kết năm đúng quy định.

PHẦN II
KẾ HOẠCH NĂM 2026

A. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

I. Mục tiêu

1. Phân đầu hoàn thành sản lượng và doanh thu.
2. Phân đầu hoàn thành mục tiêu các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.
3. Phân đầu vận hành ổn định, an toàn, liên tục các Nhà máy điện của Công ty.

II. Kế hoạch cụ thể

1. Kế hoạch sản xuất điện

Đvt: triệu kWh

Stt	Chỉ tiêu	KH 2026		
		Thủy điện	ĐMT	Tổng
1	Sản lượng điện sản xuất	693	69	762
2	Sản lượng điện thương phẩm	688	68	756

2. Kế hoạch kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch
1	Sản lượng điện SX	GWh	762
	<i>Thủy điện Thác Mơ</i>	<i>GWh</i>	<i>693</i>
	<i>Điện mặt trời</i>	<i>GWh</i>	<i>69</i>
2	Doanh thu	Tỷ đồng	676,17
	<i>SXKD thủy điện</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>441,42</i>
	<i>SXKD ĐMT</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>122,84</i>
	<i>ĐMT áp mái</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>0,41</i>
	<i>Hoạt động tài chính (lãi tiền gửi)</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>40,59</i>
	<i>Hoạt động tài chính (cổ tức)</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>48,23</i>
	<i>Doanh thu dịch vụ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>22,68</i>
3	Chi phí	Tỷ đồng	386,06
	<i>Chi phí SXKD điện</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>371,26</i>
	<i>Chi phí dịch vụ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>14,80</i>
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	290,11
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	246,88
	TSLN/VĐL	(%)	35,27%

3. Các chỉ tiêu kinh kế kỹ thuật

3.1. Các chỉ tiêu kỹ thuật

Stt	Nội dung	Đvt	Q1	Q2	Q3	Q4	NĂM
1	Tỷ lệ điện tự dùng	%	0,61	0,61	0,61	0,61	0,61
2	Hệ số khả dụng	%	99,95	99,95	99,95	68,43	90,16
3	Tỷ lệ ngừng máy do sự cố	%	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05

3.2. Lịch sửa chữa các tổ máy

Stt	Nội dung	Thời gian sửa chữa	Số ngày
1	SCBD khôi tổ máy H1	16/05/2026 đến 22/05/2026	07
2	SCL theo RCM tổ máy H1	01/12/2026 đến 30/12/2026	30
3	SCBD khôi tổ máy H2	06/06/2026 đến 12/06/2026	07
4	SCL theo RCM tổ máy H2	01/11/2026 đến 30/11/2026	30
Tổng cộng			74

B. Kế hoạch sửa chữa lớn

Đvt: tỷ đồng

Stt	Danh mục công trình	Giá trị kế hoạch 2026
A	Chuyển tiếp năm 2025	5,34
1	Tổ máy H1	2,67
	Hệ thống phanh tổ máy H1	2,67
2	Tổ máy H2	2,67
	Hệ thống phanh tổ máy H2	2,67
B	Kế hoạch năm 2026	41,73
I	Thiết bị	38,19
1	Tổ máy H2	1,52
	Phần thiết bị điện	0,78
	Phần cơ khí thủy lực	0,74
2	HT điều khiển và bảo vệ NM Thủy điện Thác Mơ	36,67
	Khôi tổ máy số 2	29,63
	Opy 110kV và Phụ trợ	7,04
II	Phần công trình	3,54
1	SCL hệ thống mương thoát nước Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ – Khu 1,2, Khu 3 và Khu 6	3,54
Tổng cộng		47,07

C. Kế hoạch đầu tư mua sắm tài sản

Đvt: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch	Ghi chú
1	Máy lọc dầu bôi trơn	4,32	Chuyển vốn từ 2025
2	Hệ thống giám sát rung đảo	1,75	Chuyển vốn từ 2025
3	Xe ô tô 7 chỗ	1,45	
4	Mua sắm máy biến áp kích từ	2,85	
5	Giám sát nhiệt độ inverter Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ	2,46	
6	Lắp đặt HT camera giám sát thiết bị, bảo vệ, an ninh công trình (giai đoạn 2)	3,03	
7	Mua sắm máy chủ phục vụ các phần mềm ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)	7,10	
TỔNG CỘNG		22,96	

D. Kế hoạch ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Đvt: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Giá trị kế hoạch 2026
I	Chuyển tiếp từ năm 2025	2,39
1	Phần mềm Dự báo lưu lượng về hồ (ứng dụng công nghệ AI vào phần mềm dự báo)	2,39
II	Kế hoạch năm 2026	7,29
1	Tiền thưởng cho sáng kiến	0,20
2	Chi phí cho công tác quản lý hoạt động KH-CN	0,10
3	Ứng dụng chạy trên iOS và Android phần mềm phục vụ SXKD - Giai đoạn 2	0,98
4	Ứng dụng AI dự báo công suất ĐMT	1,50
5	Giám sát tầm pin và nhiệt độ mỗi nối đường dây 22kV bằng UAV tích hợp AI	4,51
Tổng cộng		9,68

E. Kế hoạch đầu tư xây dựng

I. Các danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng

1. Nhà máy ĐMT Thác Mơ giai đoạn 2 (100 MWp): Thực hiện các hồ sơ thủ tục để tham gia đấu thầu chủ đầu tư. Đồng thời, thực hiện các bước tiếp theo như nghiên cứu thực hiện các báo cáo chuyên ngành, lập hồ sơ FS, thẩm tra FS.

2. Nhà máy ĐMT Thác Mơ giai đoạn 2 (275 MWp): Phối hợp các cơ quan, ban ngành để điều chỉnh giai đoạn thực hiện từ sau 2030 sang giai đoạn 2026-2030 trong Quy hoạch thành phố Đồng Nai.

3. Đầu tư hệ thống ĐMT mái nhà tự sản tự tiêu.

4. Thực hiện các thủ tục để đầu tư xây dựng kho vật tư.

II. Kế hoạch vốn

Đvt: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch năm 2026		
		Vốn tự có	Vốn vay	Tổng
1	Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phục vụ giám sát và điều hành sản xuất tại TMP	2,20		2,20
2	ĐMT Thác Mơ giai đoạn 2 (100 MWp)	0,50		0,50
3	ĐMT Thác Mơ giai đoạn 2 (275 MWp)	0,50		0,50
4	ĐMT Thác Mơ giai đoạn 3	0,47		0,47
5	Xây dựng kho vật tư thiết bị	3,59		3,59
6	Trung tâm Điều khiển và Giám sát từ xa nhà máy Thủy điện Thác Mơ	Dự án tập trung của EVNGENCO2, đang lập FS do đó đăng ký danh mục, chưa đăng ký giá trị		
7	Hệ thống đảm bảo an toàn an ninh thông tin phục vụ điều hành và giám sát vận hành NM Thủy điện Thác Mơ			
8	ĐMT mái nhà tự sản tự tiêu	2,17		2,17
	TỔNG CỘNG	9,43		9,43

Ghi chú: Cơ cấu nguồn vốn tự có/vay sẽ được Công ty cân đối các nguồn vốn, dòng tiền và đề xuất khi các cấp có thẩm quyền thông qua chủ trương.

Trên đây là báo cáo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ về kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2025 và kế hoạch năm 2026. Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Khánh

Báo cáo Tài chính Riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(Đã được kiểm toán)**

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán riêng	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10-11
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12-38

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác MơKhu phố Thác Mơ 5, phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam – "EVN"), là một Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước (nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai) cấp lần đầu ngày 01/01/2008 và các lần sửa đổi, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800311306 (sửa đổi lần thứ 11) ngày 01/10/2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu phố Thác Mơ 5, phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/10/2025
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/10/2025
Ông Phạm Minh Trí	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Lê Hoàng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2025
Ông Nguyễn Văn Non	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/05/2025
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/12/2025
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đào Nguyễn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/02/2026

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Trưởng ban
Bà Lai Lệ Hường	Thành viên
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng này là Ông Nguyễn Lê Hoàng – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Khu phố Thác Mơ 5, phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng các Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *ml*



Nguyễn Lê Hoàng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được lập ngày 30/03/2026, từ trang 06 đến trang 38 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 29 của Báo cáo tài chính, trong đó mô tả tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty không đáp ứng điều kiện cơ cấu cổ đông của công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Trần Minh Đức
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4372-2022-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.144.581.525.948	906.919.241.397
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	130.133.214.238	92.016.950.843
111	1. Tiền		10.133.214.238	2.016.950.843
112	2. Các khoản tương đương tiền		120.000.000.000	90.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	762.000.000.000	447.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		762.000.000.000	447.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		247.396.281.808	366.020.518.282
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	186.764.027.331	327.920.817.902
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.975.524.028	-
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	14.640.000.000	14.640.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	42.016.730.449	23.459.700.380
140	IV. Hàng tồn kho		1.868.995.294	391.394.210
141	1. Hàng tồn kho	8	1.868.995.294	391.394.210
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.183.034.608	1.490.378.062
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.740.081.304	1.433.040.986
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.442.953.304	57.337.076

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		937.062.793.023	963.538.390.513
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		22.955.107.000	37.535.107.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	5	22.000.000.000	36.640.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	955.107.000	895.107.000
220	II. Tài sản cố định		468.277.635.990	466.376.215.089
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	457.894.740.785	456.311.347.980
222	- Nguyên giá		2.733.484.653.639	2.665.935.253.399
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.275.589.912.854)	(2.209.623.905.419)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	10.382.895.205	10.064.867.109
228	- Nguyên giá		17.762.219.266	16.057.219.266
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.379.324.061)	(5.992.352.157)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		3.258.199.682	1.633.667.898
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	3.258.199.682	1.633.667.898
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	438.154.430.000	453.154.430.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		186.134.430.000	186.134.430.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		101.160.000.000	101.160.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		150.860.000.000	150.860.000.000
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	15.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.417.420.351	4.838.970.526
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	3.269.237.606	3.690.787.781
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		1.148.182.745	1.148.182.745
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.081.644.318.971	1.870.457.631.910

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		532.418.279.602	463.318.731.547
310	I. Nợ ngắn hạn		309.359.737.204	188.903.180.101
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	95.903.085.130	31.144.657.360
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	59.491.533.562	68.139.135.292
314	3. Phải trả người lao động		15.489.689.482	17.443.163.772
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.494.530.586	928.764.885
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	82.231.572.040	12.543.787.960
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	50.853.956.580	50.853.956.580
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.895.369.824	7.849.714.252
330	II. Nợ dài hạn		223.058.542.398	274.415.551.446
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	203.415.826.323	254.269.782.903
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	19	19.642.716.075	20.145.768.543
400	D. NGUỒN VỐN		1.549.226.039.369	1.407.138.900.363
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.549.226.039.369	1.407.138.900.363
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		342.123.279.058	283.678.619.320
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		152.166.284.686	104.852.990.562
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		354.936.475.625	318.607.290.481
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		121.153.930.619	92.080.777.607
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		233.782.545.006	226.526.512.874
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.081.644.318.971	1.870.457.631.910



Hoàng Thị Thanh Thủy
 Người lập



Bùi Thị Kim Na
 Kế toán trưởng

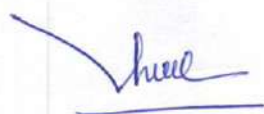



 Nguyễn Lê Hoàng
 Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	630.266.334.871	660.027.609.667
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		630.266.334.871	660.027.609.667
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	22	278.713.135.203	259.897.906.059
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		351.553.199.668	400.129.703.608
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	82.244.941.769	90.201.198.040
22	7. Chi phí tài chính	24	19.065.092.592	23.733.437.041
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		19.065.092.592	23.733.437.041
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	52.696.761.839	47.801.897.473
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		362.036.287.006	418.795.567.134
31	11. Thu nhập khác		412.354.000	51.778.980
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		412.354.000	51.778.980
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		362.448.641.006	418.847.346.114
51	15. Thuế TNDN hiện hành	26	58.666.096.000	66.233.196.563
52	16. Thuế TNDN hoãn lại	27	-	87.636.677
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		303.782.545.006	352.526.512.874




Hoàng Thị Thanh Thủy
 Người lập



Bùi Thị Kim Na
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Lê Hoàng
 Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2025
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		362.448.641.006	418.847.346.114
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		69.413.087.803	67.412.181.335
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(82.643.946.769)	(90.227.977.020)
06	Chi phí lãi vay		19.065.092.592	23.733.437.041
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		368.282.874.632	419.764.987.470
09	Giảm các khoản phải thu		122.667.509.246	323.415.113.990
10	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		(1.477.601.084)	426.488.120
11	Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		65.748.586.905	5.019.481.739
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước		40.068.015	(333.343.430)
14	Tiền lãi vay đã trả		(19.104.884.071)	(23.837.499.564)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(68.117.325.842)	(64.763.182.348)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		42.530.000	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(12.870.120.428)	(18.719.140.971)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		455.211.637.373	640.972.905.006
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(73.189.811.114)	(30.819.771.149)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		399.005.000	26.778.980
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(792.000.000.000)	(570.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		506.640.000.000	359.640.000.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	247.300.000
27	7. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		76.756.052.769	82.228.699.784
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(281.394.753.345)	(158.676.992.385)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(50.853.956.580)	(50.853.956.580)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(84.846.664.053)	(398.086.692.295)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(135.700.620.633)	(448.940.648.875)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		38.116.263.395	33.355.263.746
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	92.016.950.843	58.661.687.097
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	130.133.214.238	92.016.950.843

Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập

Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Lê Hoàng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2025

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam – "EVN"), là một Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước (nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai) cấp lần đầu ngày 01/01/2008 và các lần sửa đổi, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800311306 (sửa đổi lần thứ 11) ngày 01/10/2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu phố Thác Mơ 5, phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tại ngày 31/12/2025, vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000.000 VND, tương ứng 70.000.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là TMP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 105 người (tại ngày 31/12/2024 là 108 người).

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- ▶ Quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc nhà máy điện;
- ▶ Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp.

Cấu trúc Công ty

Thông tin về công ty con, công ty liên kết của Công ty chi tiết tại Thuyết minh 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Công ty cũng áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 03/09/2015, hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22/03/2019 ("Chế độ kế toán EVN").

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Nhóm Công ty.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- ▶ Dự phòng phải thu khó đòi;
- ▶ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- ▶ Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- ▶ Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- ▶ Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- ▶ Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua / chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- ▶ Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- ▶ Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- ▶ Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

2.9 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền tháng.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 25 năm
▶ Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
▶ Phương tiện vận tải	06 – 20 năm
▶ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 12 năm
▶ Quyền sử dụng đất	29 – 34 năm
▶ Phần mềm máy vi tính	03 năm

2.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Chi phí bảo hiểm đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm;
- ▶ Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất;
- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 01 năm;
- ▶ Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích từ 1 đến 3 năm hoặc theo kỳ hạn hợp đồng.

2.15 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: trích trước lãi vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí

phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; và
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán Điện và Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và Thị trường điện Quốc gia.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 Giá vốn hàng bán (điện) và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán (điện) và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm, kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Chi phí tài chính được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế với dự án Nhà máy Điện mặt trời như sau:

<u>Văn bản</u>	<u>Tóm tắt các ưu đãi thuế</u>	<u>Thời hạn hiệu lực</u>
Điều 11, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015	Được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm có doanh thu.	Từ năm 2020
Điều 12, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015	Miễn thuế TNDN bốn năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án.	Từ năm 2020

d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính 2025, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- ▶ Thuế suất 10% và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong năm đối với thu nhập của Dự án điện mặt trời;
- ▶ Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

2.24 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Thông tin bộ phận

Do hoạt động của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	10.133.214.238	2.016.950.843
Các khoản tương đương tiền (*)	120.000.000.000	90.000.000.000
	<u>130.133.214.238</u>	<u>92.016.950.843</u>

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 120.000.000.000 VND được gửi tại ngân hàng thương mại với lãi suất 4,75%/năm.

4. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	762.000.000.000	447.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	762.000.000.000	447.000.000.000
b) Dài hạn	-	15.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	15.000.000.000

(*) Tại ngày 31/12/2025, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng có giá trị 762.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,50%/năm đến 6,20%/năm.

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	137.200.000.000	-	137.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkroa	48.934.430.000	-	48.934.430.000	-
	186.134.430.000	-	186.134.430.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	1.160.000.000	-	1.160.000.000	-
	101.160.000.000	-	101.160.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	149.580.000.000	-	149.580.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	1.280.000.000	-	1.280.000.000	-
	150.860.000.000	-	150.860.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty con</i>				
- Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Lâm Đồng, Việt Nam	99,92%	100,00%	Sản xuất, truyền tải bán điện
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Quảng Ngãi, Việt Nam	61,17%	61,17%	Sản xuất, truyền tải bán điện
<i>Công ty liên kết</i>				
- Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Lâm Đồng, Việt Nam	20,00%	20,00%	Sản xuất, truyền tải bán điện
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác hồ Thủy điện Thác Mơ	Đồng Nai, Việt Nam	29,00%	29,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
<i>Đơn vị khác</i>				
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh, Việt Nam	3,00%	3,00%	Sản xuất, truyền tải điện
- Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	Đồng Nai, Việt Nam	10,00%	10,00%	Sản xuất, sửa chữa, kinh doanh thiết bị điện

5. Phải thu về cho vay

	01/01/2025		Phát sinh		31/12/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn						
Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu hồi Bên liên quan						
Công ty Cổ Phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	14.640.000.000	-	14.640.000.000	14.640.000.000	14.640.000.000	-
	14.640.000.000	-	14.640.000.000	14.640.000.000	14.640.000.000	-
b) Dài hạn						
Bên liên quan						
Công ty Cổ Phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	51.280.000.000	-	-	14.640.000.000	36.640.000.000	-
	51.280.000.000	-	-	14.640.000.000	36.640.000.000	-
Khoản đến hạn phải thu trong vòng 12 tháng	(14.640.000.000)	-	(14.640.000.000)	(14.640.000.000)	(14.640.000.000)	-
Khoản đến hạn phải thu sau 12 tháng	36.640.000.000	-			22.000.000.000	-

(*) Hợp đồng cho vay dài hạn số 01-2020/TMP-MHTN giữa Công ty và Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên ("bên đi vay"), chi tiết:

- ▶ Giá trị khoản vay: 113.500.000.000 VND, số dư tại ngày 31/12/2025 là 36.640.000.000 VND;
- ▶ Thời hạn vay: 8 năm;
- ▶ Lãi suất cho vay: lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bình quân của 4 ngân hàng cộng (+) với chi phí biên 0,5%/năm và mức lãi suất điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào ngày đầu tiên của mỗi quý;
- ▶ Khoản cho vay được đảm bảo bằng dòng tiền từ doanh thu bán điện của nhà máy Thủy điện Đại Nga.

6. Phải thu khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
Lãi dự thu và cho vay	13.955.888.000	5.942.999.000
Phải thu về cổ tức	10.976.000.000	13.500.000.000
Phải thu về thuế GTGT	7.125.303.681	1.321.972.112
Các khoản chi hộ	7.827.021.362	317.593.516
Phải thu khác	2.132.517.406	2.377.135.752
	42.016.730.449	23.459.700.380
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.827.021.362	52.064.416
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	10.976.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	-	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	-	40.945.950
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	-	122.837.850
Công ty Thủy điện Quảng Trị	-	101.745.300
Bên khác	23.213.709.087	9.642.106.864
	42.016.730.449	23.459.700.380
b) Dài hạn		
b.1) Chi tiết theo nội dung		
Đặt cọc thuê văn phòng	854.107.000	854.107.000
Đặt cọc khác	101.000.000	41.000.000
	955.107.000	895.107.000
b.2) Chi tiết theo đối tượng		
Bên khác		
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	854.107.000	854.107.000
Đối tượng khác	101.000.000	41.000.000
	955.107.000	895.107.000

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan	184.847.312.709	325.572.382.411
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	176.865.160.336	319.091.273.265
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.953.749.049	5.666.941.466
Công ty Điện lực Đồng Nai - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	28.403.324	22.968.285
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	-	791.199.395
Bên khác	1.916.714.622	2.348.435.491
	186.764.027.331	327.920.817.902

8. Hàng tồn kho

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	478.552.679	391.239.010
Công cụ, dụng cụ	155.200	155.200
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.390.287.415	-
	1.868.995.294	391.394.210

9. Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	277.777.778	180.787.037
Gia hạn hệ thống tường lửa	341.345.098	347.373.875
Bảo hiểm	777.738.977	617.061.714
Khác	343.219.451	287.818.360
	1.740.081.304	1.433.040.986
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất (Thuyết minh 20)	3.269.237.606	3.343.679.448
Khác	-	347.108.333
	3.269.237.606	3.690.787.781

10. Tài sản cố định hữu hình (“TSCĐ”)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2025	1.343.515.540.120	1.102.741.120.055	185.099.698.906	34.578.894.318	2.665.935.253.399
Mua mới	4.844.763.489	50.689.444.271	3.229.902.930	11.096.168.640	69.860.279.330
Thanh lý	-	-	(2.048.189.090)	(262.690.000)	(2.310.879.090)
Tại ngày 31/12/2025	1.348.360.303.609	1.153.430.564.326	186.281.412.746	45.412.372.958	2.733.484.653.639
Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2025	1.267.884.330.880	788.355.839.911	137.626.438.269	15.757.296.359	2.209.623.905.419
Khấu hao	7.330.132.215	49.608.671.516	6.823.769.838	4.507.767.160	68.270.340.729
Hao mòn TSCĐ hình thành từ quỹ khoa học công nghệ	-	5.301.735	-	1.244.061	6.545.796
Thanh lý	-	-	(2.048.189.090)	(262.690.000)	(2.310.879.090)
Tại ngày 31/12/2025	1.275.214.463.095	837.969.813.162	142.402.019.017	20.003.617.580	2.275.589.912.854
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2025	75.631.209.240	314.385.280.144	47.473.260.637	18.821.597.959	456.311.347.980
Tại ngày 31/12/2025	73.145.840.514	315.460.751.164	43.879.393.729	25.408.755.378	457.894.740.785

- ▶ Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 1.954.205.711.347 VND.
- ▶ Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 320.732.457.797 VND.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2025	13.151.533.335	2.905.685.931	16.057.219.266
Mua trong năm	-	1.705.000.000	1.705.000.000
Tại ngày 31/12/2025	13.151.533.335	4.610.685.931	17.762.219.266
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2025	5.059.641.330	932.710.827	5.992.352.157
Khấu hao	110.584.332	957.720.900	1.068.305.232
Hao mòn TSCĐ hình thành từ quỹ khoa học công nghệ	318.666.672	-	318.666.672
Tại ngày 31/12/2025	5.488.892.334	1.890.431.727	7.379.324.061
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	8.091.892.005	1.972.975.104	10.064.867.109
Tại ngày 31/12/2025	7.662.641.001	2.720.254.204	10.382.895.205

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 1.138.702.598 VND.

Thông tin về quyền sử dụng đất, bao gồm:

- ▶ Thửa đất số 12, phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2043.
- ▶ Thửa đất số 55, phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai, thời hạn sử dụng đến 15/10/2043.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	3.258.199.682	1.633.667.898
	3.258.199.682	1.633.667.898

Tại ngày 31/12/2025, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm :

- ▶ Phần mềm dự báo lưu lượng nước về hồ, số tiền là 2.233.815.306 VND. Giá trị hợp đồng là 4.748.000.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT). Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện mô đun và thử nghiệm thực tế.
- ▶ Dự án sửa chữa lớn, số tiền là 1.024.384.376 VND. Dự án đã thực hiện thủ tục mời thầu, lập phương án kinh tế và đang trong giai đoạn nhận và đánh giá hồ sơ dự thầu.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan	11.218.421.237	5.834.601.248
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	88.075.266	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	598.850.179	577.972.372
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	10.085.972.647	4.570.560.000
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin	304.583.145	-
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	140.940.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	-	668.800.000
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	-	17.268.876
Bên khác	84.684.663.893	25.310.056.112
Công ty TNHH Đồng Tâm Đà Lạt	1.202.390.558	2.372.014.360
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất Xây dựng Bình Phước	3.467.780.804	1.473.696.983
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần	31.104.000.000	-
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống NHT	8.535.373.598	-
Công ty cổ phần SGALAXY	3.411.274.196	-
Công ty TNHH Hệ thống Sao Phương Nam	3.683.507.200	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cotter Cold	-	-
Đối tượng khác	33.280.337.537	21.464.344.769
	95.903.085.130	31.144.657.360

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lãi vay trích trước	351.101.289	390.892.768
Chi phí mua điện	352.425.200	427.443.800
Chi phí xây lắp đường dây 22kV đấu nối vào MBA	1.649.317.475	-
Khác	141.686.622	110.428.317
	2.494.530.586	928.764.885

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Cổ tức phải trả	80.286.249.088	11.132.913.141
Khác	1.945.322.952	1.410.874.819
	82.231.572.040	12.543.787.960

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2025		Phát sinh		31/12/2025	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.055.737.424	46.443.622.524	46.039.520.579	-	2.459.839.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	54.925.739.688	58.666.096.000	68.117.325.842	-	45.474.509.846
Thuế thu nhập cá nhân	57.337.076	-	4.714.422.107	5.978.926.536	1.321.841.505	-
Thuế tài nguyên	-	3.986.676.484	81.916.929.076	80.858.685.097	-	5.044.920.463
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	2.192.658.120	2.313.769.919	121.111.799	-
Thuế môn bài	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	-	7.170.981.696	27.013.826.880	27.672.544.692	-	6.512.263.884
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	8.353.967.000	8.353.967.000	-	-
	57.337.076	68.139.135.292	229.310.521.707	239.343.739.665	1.442.953.304	59.491.533.562

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. Các khoản vay và nợ

	01/01/2025		Phát sinh		31/12/2025
	Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị
	VND		VND	VND	VND
a) Ngắn hạn					
Vay dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (*)	50.853.956.580	50.853.956.580	50.853.956.580		50.853.956.580
	50.853.956.580	50.853.956.580	50.853.956.580		50.853.956.580
b) Dài hạn					
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (*)	305.123.739.483	-	50.853.956.580		254.269.782.903
	305.123.739.483	-	50.853.956.580		254.269.782.903
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(50.853.956.580)	(50.853.956.580)	(50.853.956.580)		(50.853.956.580)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	254.269.782.903				203.415.826.323

(*) Khoản vay với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/CMC/122020/HDTD/TMP ngày 14/10/2020, chi tiết:

- ▶ Hạn mức: 495.000.000.000 VND, trả gốc và lãi lần cuối đến ngày 21/10/2030;
- ▶ Lãi suất: lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm 12 tháng của khách hàng cá nhân tại 4 ngân hàng: VCB, Agribank, Vietinbank và BIDV + Lãi suất biên (2% cho năm đầu, các năm sau là 2,3%). Căn cứ phụ lục điều chỉnh hợp đồng vay ngày 19/12/2024, kể từ ngày 25/12/2024, lãi suất biên áp dụng cho mỗi lần tính/điều chỉnh lãi là 2%;
- ▶ Mục đích vay: tài trợ cho dự án nhà máy điện mặt trời Thác Mơ;
- ▶ Phương thức đảm bảo khoản vay: toàn bộ Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ và các công trình phụ trợ. Khoản vay từ ngân hàng đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Tại ngày 31/12/2025, giá trị còn lại của tài sản thế chấp cho khoản vay là 320.732.457.797 VND (Thuyết minh 10).

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	700.000.000.000	254.130.345.832	-	494.419.126.407	1.448.549.472.239
Lợi nhuận năm trước	-	-	134.401.264.050	352.526.512.874	486.927.776.924
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(134.401.264.050)	(134.401.264.050)
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	(271.810.000.000)	(271.810.000.000)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	3.872.915.250	3.872.915.250
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	-	(126.000.000.000)	(126.000.000.000)
Đầu tư TSCĐ bằng quỹ đầu tư phát triển	-	29.548.273.488	(29.548.273.488)	-	-
Tại ngày 01/01/2025	700.000.000.000	283.678.619.320	104.852.990.562	318.607.290.481	1.407.138.900.363
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	105.757.953.862	(105.757.953.862)	-
Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2024 (*)	-	-	-	(84.000.000.000)	(84.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(7.695.406.000)	(7.695.406.000)
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	303.782.545.006	303.782.545.006
Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2025 (**)	-	-	-	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)
Đầu tư TSCĐ bằng quỹ đầu tư phát triển	-	58.444.659.738	(58.444.659.738)	-	-
Tại ngày 31/12/2025	700.000.000.000	342.123.279.058	152.166.284.686	354.936.475.625	1.549.226.039.369

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số tiền</u>
	%	VND
Tổng lợi nhuận được phân phối	100,00	323.453.359.862
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	32,70	105.757.953.862
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Người quản lý, Kiểm soát viên	2,38	7.695.406.000
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt	64,92	210.000.000.000

Trong đó, cổ tức bằng tiền mặt được chi trả làm 2 đợt:

- ▶ Cổ tức đợt 1 đã được tạm ứng trong năm 2024, số tiền là 126.000.000.000 VND (18%).
- ▶ Cổ tức đợt 2 đã được chi trả vào ngày 30/07/2025, số tiền 84.000.000.000 VND (12%) theo Nghị quyết số 530/NQ-HĐQT ngày 04/07/2025.

(**) Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 843/NQ-HĐQT ngày 11/12/2025 với phương án trả cổ tức 10% bằng tiền mặt, đã được chi trả vào ngày 06/02/2026.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2025</u>		<u>01/01/2025</u>	
	VND	%	VND	%
Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần	363.415.000.000	51,92	363.415.000.000	51,92
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	298.437.400.000	42,63	298.437.400.000	42,63
Các cổ đông khác	38.147.600.000	5,45	38.147.600.000	5,45
	<u>700.000.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>700.000.000.000</u>	<u>100,00</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	700.000.000.000	700.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	11.132.913.141	11.409.605.436
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	154.000.000.000	397.810.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	84.000.000.000	271.810.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	70.000.000.000	126.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	84.846.664.053	398.086.692.295
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	80.286.249.088	11.132.913.141
+ Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả bằng tiền	80.286.249.088	11.132.913.141

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu		

e. Các quỹ của Công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	152.166.284.686	104.852.990.562

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	19.642.716.075	20.145.768.543

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng số HD596/et/REE/22 ngày 15/04/2022 với Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Bất động sản R.E.E tại tầng 8, tòa nhà E.Town 1, số 364 Cộng Hòa, phường Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích thuê 513m². Thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 20/05/2022 đến hết ngày 19/05/2027, tiền thuê được thanh toán hàng quý với đơn giá thuê cho từng giai đoạn được quy định chi tiết tại hợp đồng;

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê để xây dựng công trình thủy điện, nhà máy Điện mặt trời tại tỉnh Đồng Nai. Tiền thuê đất được trả hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng hoặc trả trước một lần theo quy định hiện hành của Nhà nước.

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Bán điện	615.114.412.149	644.407.724.602
Cung cấp dịch vụ	15.151.922.722	15.509.056.629
Khác	-	110.828.436
	630.266.334.871	660.027.609.667
Trong đó, doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh 31)	627.375.877.599	654.594.639.570

22. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Bán điện	265.946.978.897	247.597.369.893
Cung cấp dịch vụ	12.766.156.306	12.300.536.166
	278.713.135.203	259.897.906.059
Trong đó, mua hàng từ bên liên quan (Thuyết minh 31)	16.833.106.845	11.314.204.097

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	31.203.165.917	13.521.303.722
Lãi cho vay	2.366.778.452	3.158.396.918
Cổ tức được chia	48.674.997.400	73.514.197.400
Khác	-	7.300.000
	82.244.941.769	90.201.198.040
Trong đó, doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh 31)	51.041.775.852	76.672.594.318

24. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.065.092.592	23.733.437.041
	19.065.092.592	23.733.437.041

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.115.298.334	13.289.477.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.231.792.013	3.306.479.733
Thuế phí và lệ phí	342.900.342	543.842.740
Chi phí bằng tiền khác	36.006.771.150	30.662.097.750
	52.696.761.839	47.801.897.473

26. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận trước thuế	362.448.641.006	418.847.346.114
- Hoạt động được hưởng ưu đãi theo thuế suất	32.038.834.457	24.338.938.422
- Hoạt động không ưu đãi	330.409.806.549	394.508.407.692
Chi phí không được trừ khi tính thuế	3.585.963.763	2.750.962.094
Chi phí khấu hao bổ sung của năm 2022 và 2023	-	947.899.334
Thu nhập chịu thuế	<u>366.034.604.769</u>	<u>422.546.207.542</u>
Thu nhập được miễn thuế	(48.674.997.400)	(73.514.197.400)
Thu nhập tính thuế	<u>317.359.607.369</u>	<u>349.032.010.142</u>
Thuế suất được ưu đãi thuế	10%	10%
Thuế suất không ưu đãi	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	<u>60.268.038.000</u>	<u>67.277.718.253</u>
Thuế TNDN được giảm	(1.601.942.000)	(1.264.341.888)
Điều chỉnh Thuế TNDN	-	219.820.198
Thuế TNDN hiện hành	<u>58.666.096.000</u>	<u>66.233.196.563</u>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	54.925.739.688	53.455.725.473
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(68.117.325.842)	(64.763.182.348)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>45.474.509.846</u>	<u>54.925.739.688</u>

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	117.279.408.396	110.628.797.769
Chi phí nhân công	39.602.460.000	35.956.215.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.338.645.961	67.332.439.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.578.546.578	20.923.345.199
Chi phí khác	70.001.123.522	72.859.005.709
	<u>332.800.184.457</u>	<u>307.699.803.532</u>

28. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải rủi ro thị trường liên quan đến biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2025			
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.133.214.238	-	130.133.214.238
Phải thu khách hàng, phải thu khác	228.780.757.780	955.107.000	229.735.864.780
Các khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	776.640.000.000	22.000.000.000	798.640.000.000
	1.135.553.972.018	22.955.107.000	1.158.509.079.018
01/01/2025			
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.016.950.843	-	92.016.950.843
Phải thu khách hàng, phải thu khác	351.380.518.282	895.107.000	352.275.625.282
Các khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	461.640.000.000	51.640.000.000	513.280.000.000
	905.037.469.125	52.535.107.000	957.572.576.125

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài

chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2025			
Vay và nợ	50.853.956.580	203.415.826.323	254.269.782.903
Phải trả người bán, phải trả khác	178.134.657.170	-	178.134.657.170
Chi phí phải trả	2.494.530.586	-	2.494.530.586
	231.483.144.336	203.415.826.323	434.898.970.659
01/01/2025			
Vay và nợ	50.853.956.580	254.269.782.903	305.123.739.483
Phải trả người bán, phải trả khác	43.688.445.320	-	43.688.445.320
Chi phí phải trả	928.764.885	-	928.764.885
	95.471.166.785	254.269.782.903	349.740.949.688

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. Thông tin khác

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty không đảm bảo có tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải cổ đông lớn nắm giữ. Do đó, Công ty không đáp ứng điều kiện cơ cấu cổ đông của công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

30. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

31. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau :

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	Công ty mẹ cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết

Bên liên quan

Mối quan hệ

Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc ("EVNNPC")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung ("EVNCPC")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH ("EVNSPC")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 ("PECC1")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2 ("PECC2")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 ("PECC3")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 ("PECC4")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Điện lực Đồng Nai - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thí nghiệm Điện lực TP. Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thí nghiệm Điện lực TP. Hồ Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Sông Bung	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Viễn Thông Điện lực và Công nghệ thông tin	Công ty trong cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Bán điện và cung cấp dịch vụ	627.375.877.599	654.594.639.570
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	614.797.594.416	644.089.705.084
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	11.715.847.860	9.447.738.253
Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh	415.351.590	599.031.109
Công ty Điện lực Đồng Nai - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	316.817.733	318.019.518
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkơsa	130.266.000	115.056.000
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	-	25.089.606
Chia cổ tức	145.607.528.000	376.130.718.920
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	79.951.300.000	206.528.744.500
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	65.656.228.000	169.601.974.420

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	16.833.106.845	11.314.204.097
Công ty Điện lực Đồng Nai - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	4.510.425.618	4.274.165.732
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2 ("PECC2")	425.812.783	406.481.481
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 ("PECC3")	11.396.476.731	4.417.777.778
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	65.424.177	192.239.355
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1 ("PECC1")	81.551.172	-
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	353.416.364	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 ("PECC4")	-	619.259.259
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin	-	304.583.145
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkroxa	-	322.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	-	220.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH ("EVNSPC")	-	174.943.304
Công ty Thủy điện Sông Bung	-	382.754.043
Cổ tức được chia	48.674.997.400	73.514.197.400
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkroxa	8.808.197.400	8.808.197.400
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	21.952.000.000	10.976.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	34.800.000	-
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	15.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	2.700.000.000	23.625.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	180.000.000	105.000.000
Lãi cho vay	2.366.778.452	3.158.396.918
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	2.366.778.452	3.158.396.918
Thu tiền cho vay	14.640.000.000	14.640.000.000
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	14.640.000.000	14.640.000.000
Chuyển nhượng khoản đầu tư tại công ty liên kết	-	240.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	-	240.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	2.198.169.000	2.161.519.000
Ông Huỳnh Văn Khánh	768.457.000	692.620.000
Ông Nguyễn Văn Non (Miễn nhiệm ngày 01/10/2025)	559.874.000	663.643.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	124.262.000	107.172.000
Ông Lê Tuấn Hải	124.262.000	107.172.000
Ông Phạm Minh Trí	621.314.000	590.912.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	1.942.074.000	1.723.298.000
Ông Nguyễn Lê Hoàng (Bổ nhiệm từ ngày 01/10/2025)	234.222.000	-
Ông Nguyễn Hùng Lượng (Miễn nhiệm ngày 01/12/2025)	569.538.000	590.912.000
Ông Đinh Văn Sơn	621.314.000	590.912.000
Bùi Thị Kim Na	517.000.000	541.474.000

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ban kiểm soát	890.862.000	825.718.000
Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	642.338.000	611.374.000
Bà Lai Lệ Hương	124.262.000	107.172.000
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	124.262.000	107.172.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

33. Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 30 tháng 03 năm 2026.



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Lê Hoàng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Consolidated Financial Statements

THAC MO HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

For the fiscal year ended 31 December 2025
(Audited)

CONTENTS

	Page
Report of the Board of Management	02 -03
Independent Auditors' Report	04-05
Audited Consolidated Financial Statements	
Consolidated Statement of Financial position	06 - 07
Consolidated Statement of Income	08
Consolidated Statement of Cash flows	09
Notes to the Consolidated Financial Statements	10 – 37

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Thac Mo Hydropower Joint Stock Company ("the Company") presents its report and the Company's Consolidated Financial Statements for the year ended 31 December 2025.

THE COMPANY

Thac Mo Hydropower Joint Stock Company ("the Company"), formerly known as Thac Mo Hydropower Plant, was previously a dependent accounting unit under Vietnam Electricity Corporation (now Vietnam Electricity – "EVN"). The Company was established and operates in accordance with Enterprise Registration Certificate ("ERC") No. 4403000108, issued by the Department of Planning and Investment of Binh Phuoc Province (now the Department of Finance of Dong Nai Province) on 01 January 2008, and its amendments, its latest amended ERC (11th amendment), No. 3800311306, dated 01 October 2025.

The Company's head office is located at Thac Mo 5 Quarter, Phuoc Long Ward, Dong Nai Province, Vietnam.

BOARD OF DIRECTORS, BOARD OF MANAGEMENT AND SUPERVISORY BOARD

The members of the Board of Directors during the year and to the reporting date are:

Mr. Huynh Van Khanh	Chairman	
Mr. Nguyen Le Hoang	Member	Appointed on 01 October 2025
Mr. Nguyen Van Non	Member	Resigned on 01 October 2025
Mr. Pham Minh Tri	Member	
Mr. Nguyen Quang Quyen	Member	
Mr. Le Tuan Hai	Member	

The members of the Board of Management during the year and to the reporting date are:

Mr. Nguyen Le Hoang	General Director	Appointed on 01 October 2025
Mr. Nguyen Van Non	General Director	Resigned on 15 May 2025
Mr. Nguyen Hung Luong	Deputy General Director	Resigned on 01 December 2025
Mr. Dinh Van Son	Deputy General Director	
Mr. Dao Nguyen Hanh	Deputy General Director	Appointed on 10 February 2026

The members of the Board of Supervision are:

Ms. Le Nguyen Khanh Linh	Head of the Supervisory Board
Ms. Lai Le Huong	Member
Ms. Doan Su Ngoc Tran	Member

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the year and up to the preparation of this financial statement is Mr. Nguyen Le Hoang – General Director.

AUDITORS

AASC Limited has taken the audit of the Consolidated Financial Statements for the Company.

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

The Board of Management is responsible for the Consolidated Financial Statements of each fiscal year which give a true and fair view of the financial position of the Company and the results of its operation and its cash flows for the year then ended. In preparing those Consolidated Financial Statements, the Board of Management is required to:

- ▶ Establish and maintain an internal control system which is determined necessary by the Board of Management and those charged with governance to ensure the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements do not contain any material misstatement caused by errors or frauds;

Thac Mo Hydropower Joint Stock Company

Thac Mo 5 Quarter, Phuoc Long Ward, Dong Nai Province, Vietnam

- ▶ Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- ▶ Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- ▶ State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the Consolidated Financial Statements;
- ▶ Prepare and present the Consolidated Financial Statements on the basis of compliance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of Consolidated Financial Statements;
- ▶ Prepare the Consolidated Financial Statements on going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclosed, with reasonable accuracy at any time, the financial position of Company and to ensure that the accounting records comply with the registered accounting system. It is responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Management confirms that the accompanying Consolidated Financial Statements of the Company for the year ended 31 December 2025 prepared by us, give a true and fair view of the financial position, results of its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and comply with statutory requirements related to preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements.

Other commitments

The Board of Management pledges that the Company complies with Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 on detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Securities and the Company does not violate the obligations of information disclosure in accordance with the regulations of the Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 issued by the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on Securities Market and the Circular No. 68/2024/TT-BTC dated 18 September 2024 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 96/2020/TT-BTC.

On behalf of the Board of Management,



Nguyen Le Hoang
General Director

Dong Nai, 30 March 2026



No: 300326.049/BCTC.FIS1

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: The shareholders, The Board of Directors and the Board of Management
Thac Mo Hydropower Joint Stock Company

We have audited the accompanying Consolidated Financial Statements of Thac Mo Hydropower Joint Stock Company prepared on 30 March 2026, which comprise Consolidated Statement of financial position as at 31 December 2025, Consolidated Statement of income, Consolidated Statement of cash flows and Notes to the Consolidated Financial Statements for the year then ended, as set out on pages 06 to 37.

Board of Management's Responsibility

The Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these Consolidated Financial Statements that give a true and fair view in accordance with Vietnamese Accounting Standards and System and comply with relevant statutory requirements and for such internal control as management determines necessary to enable the preparation and fair presentation of these Consolidated Financial Statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these Consolidated Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with standards, ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Consolidated Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Consolidated Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Consolidated Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation of Consolidated Financial Statements that give a true and fair view in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the Consolidated Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Auditor's opinion

In our opinion, the Consolidated Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of Thac Mo Hydropower Joint Stock Company as at 31 December 2025, and of the results of its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards and System and comply with statutory requirements related to preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements.

Emphasis of Matter

We would like to draw the readers' attention to Note 29 to the Financial Statements, which describes that as at the reporting date, the Company did not meet the shareholder structure requirements of a public company as stipulated in Point a, Clause 1, Article 32 of the Law on Securities No. 54/2019/QH14, as amended and supplemented by Point a, Clause 11, Article 1 of Law No. 56/2024/QH15.

Our opinion is not modified in respect of this matter.



AASC Limited

Do Mạnh Cường

Deputy General Director
Registered Auditor No.
0744-2023-002-1

Hanoi, 30 March 2026

Tran Minh Duc

Auditor
Registered Auditor No.
4372-2022-002-1

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2025

Code	ASSETS	Note	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. CURRENT ASSETS		1,189,904,933,796	943,849,085,815
110	I. Cash and cash equivalents	3	159,791,721,679	107,540,697,741
111	1. Cash		10,678,581,953	6,260,697,741
112	2. Cash equivalents		149,113,139,726	101,280,000,000
120	II. Short-term investment	4	767,800,000,000	455,000,000,000
123	1. Short-term held to maturity		767,800,000,000	455,000,000,000
130	III. Short-term receivables		256,938,721,263	379,061,800,107
131	1. Short-term trade receivables	5	219,001,864,075	353,036,356,857
132	2. Short-term advances to suppliers		4,487,008,991	511,484,963
136	3. Other short-term receivables	6	33,449,848,197	25,513,958,287
140	IV. Inventories		2,080,896,694	563,315,610
141	1. Inventories	7	2,080,896,694	563,315,610
150	V. Other current assets		3,293,594,160	1,683,272,357
151	1. Short-term prepaid expenses	8	1,850,640,856	1,466,348,226
153	2. Tax and other receivables from the State	16	1,442,953,304	216,924,131
200	B. NON-CURRENT ASSETS		1,062,100,601,390	1,081,082,224,383
210	I. Long-term receivables		955,107,000	895,107,000
216	1. Other long-term receivables	6	955,107,000	895,107,000
220	II. Fixed assets		731,584,597,846	754,956,530,695
221	1. Tangible fixed assets	9	718,079,977,150	741,528,799,031
222	- Cost		3,335,376,907,450	3,262,556,211,498
223	- Accumulated depreciation		(2,617,296,930,300)	(2,521,027,412,467)
227	2. Intangible fixed assets	10	13,504,620,696	13,427,731,664
228	- Cost		22,629,565,426	20,924,565,426
229	- Accumulated amortisation		(9,124,944,730)	(7,496,833,762)
240	III. Long-term assets in progress		3,258,199,682	1,633,667,898
242	1. Construction in-progress	11	3,258,199,682	1,633,667,898
250	IV. Long-term investments	4	314,859,274,658	310,559,218,390
252	1. Investments in joint-ventures, associates		163,999,274,658	144,699,218,390
253	2. Other investments in equity instruments		150,860,000,000	150,860,000,000
255	3. Long-term held to maturity		-	15,000,000,000
260	V. Other non-current assets		11,443,422,204	13,037,700,400
261	1. Long-term prepaid expenses	8	9,151,029,652	10,555,751,140
262	2. Deferred tax assets	25	421,872,442	552,369,150
263	3. Long-term equipment, supplies and spare parts		1,870,520,110	1,929,580,110
270	TOTAL ASSETS		2,252,005,535,186	2,024,931,310,198


CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2025
(Continued)

Code	RESOURCES	Note	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. LIABILITIES		558,974,445,878	485,026,794,787
310	I. Current liabilities		331,415,903,480	204,911,243,341
311	1. Short-term trade payables	12	101,611,524,001	34,911,540,999
313	2. Tax payables and statutory obligations	16	63,886,858,841	71,023,528,802
314	3. Payables to employees		23,151,104,873	22,216,903,192
315	4. Short-term accrued expenses	13	2,663,346,859	1,178,210,091
319	5. Other short-term payables	14	84,486,321,772	14,999,370,578
320	6. Short-term loans and liabilities	17	52,053,956,580	51,903,956,580
322	7. Bonus and welfare funds		3,562,790,554	8,677,733,099
330	II. Long-term liabilities		227,558,542,398	280,115,551,446
338	1. Long-term loans and liabilities	17	207,915,826,323	259,969,782,903
343	2. Scientific and technological development fund	15	19,642,716,075	20,145,768,543
400	D. EQUITY		1,693,031,089,308	1,539,904,515,411
410	I. Owners' equity	18	1,693,031,089,308	1,539,904,515,411
411	1. Contributed charter capital		700,000,000,000	700,000,000,000
411a	- Ordinary shares with voting right		700,000,000,000	700,000,000,000
414	2. Other owner's equity		344,150,936,893	284,663,534,134
418	3. Investment and development fund		155,628,767,479	111,499,166,376
421	4. Retained earnings		455,837,904,872	405,680,327,257
421a	- Retained earnings accumulated to previous year		208,384,888,595	181,325,906,127
421b	- Undistributed profit of this year		247,453,016,277	224,354,421,130
429	5. Non-controlling interest		37,413,480,064	38,061,487,644
440	TOTAL RESOURCES		2,252,005,535,186	2,024,931,310,198


Hoàng Thị Thanh Thủy
Preparer


Bùi Thị Kim Na
Chief Accountant



Nguyễn Lê Hoàng
General Director




Dong Nai, 30 March 2026

CONSOLIDATED STATEMENT OF INCOME
Year 2025

Code	ITEMS	Note	Year 2025	Year 2024
			VND	VND
01	1. Gross revenue from goods sold and services rendered	20	752,046,809,378	763,629,129,418
02	2. Less deductions		-	-
10	3. Net revenue from goods sold and services rendered		752,046,809,378	763,629,129,418
11	4. Cost of goods sold and services rendered	21	348,479,982,843	321,812,359,355
20	5. Gross profit from goods sold and services rendered		403,566,826,535	441,816,770,063
21	6. Financial income	22	35,586,682,783	38,031,838,045
22	7. Financial expenses		19,510,962,866	24,553,111,621
23	<i>In which: Interest expense</i>		19,510,962,866	24,553,111,621
24	8. Profit/(Loss) in associates/joint ventures		34,334,856,268	29,620,897,935
25	9. Selling expenses		-	-
26	10. General administrative expenses	23	67,813,952,084	59,355,820,463
30	11. Operating profit		386,163,450,636	425,560,573,959
31	12. Other income		412,354,000	51,778,980
32	13. Other expenses		-	-
40	14. Other profit		412,354,000	51,778,980
50	15. Accounting profit before tax		386,575,804,636	425,612,352,939
51	16. Current corporate income tax expense	24	63,390,716,431	70,241,122,334
52	17. Deferred corporate income tax expense	25	130,496,708	218,133,385
60	18. Net profit after tax		323,054,591,497	355,153,097,220
61	19. Profit after tax attributable to owners of the parent		317,453,016,277	350,354,421,130
62	20. Profit after tax attributable to non-controlling interest		5,601,575,220	4,798,676,090
70	21. EPS	26	4,535	5,005


Hoàng Thị Thanh Thủy
Preparer


Bùi Thị Kim Na
Chief Accountant


Nguyễn Lê Hoàng
General Director



Dong Nai, 30 March 2026

CONSOLIDATED STATEMENT OF CASH FLOWS

Year 2025
(Indirect method)

Code	ITEMS	Note	Year 2025	Year 2024
			VND	VND
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
01	1. Profit before tax		386,575,804,636	425,612,352,939
	2. Adjustments for:			
02	Depreciation and amortization		99,957,737,265	97,846,735,115
05	(Gains) from investment activities		(70,320,544,051)	(67,679,514,960)
06	Interest expense		19,510,962,866	24,553,111,621
08	3. Profit from operating activities before changes in working capital		435,723,960,716	480,332,684,715
09	Decrease in receivables		115,587,817,251	316,595,205,359
10	(Increase)/Decrease in inventories		(1,458,521,084)	457,574,720
11	Increase in payables (excluding interest payables/CIT payables)		71,117,629,328	5,841,175,539
12	Decrease in prepaid expenses		945,987,016	1,728,186,742
14	Interest paid		(19,567,697,085)	(24,749,502,675)
15	Corporate income tax paid		(71,935,688,723)	(68,827,336,946)
17	Other payments on operating activities		(15,628,997,545)	(21,087,163,456)
20	Net cash inflow from operating activities		514,784,489,874	690,290,823,998
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
21	1. Purchase of fixed assets and other long-term assets		(78,461,106,826)	(37,813,354,200)
22	2. Proceeds from disposals of fixed assets and long-term assets		399,005,000	26,778,980
23	3. Loans granted, purchases of debt instruments of other entities		(812,000,000,000)	(589,000,000,000)
24	4. Collection of loans, proceeds from sales of debt instruments		514,200,000,000	365,500,000,000
26	5. Proceeds from divestment in other entities		-	247,300,000
27	6. Interest, dividends and profit received		55,870,715,203	61,642,616,323
30	Net cash outflow from investing activities		(319,991,386,623)	(199,396,658,897)
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
34	1. Repayment of borrowings		(51,903,956,580)	(57,853,956,580)
36	2. Dividends paid		(90,638,122,733)	(403,551,083,295)
40	Net cash outflow from financing activities		(142,542,079,313)	(461,405,039,875)
50	Net cash flows in the year		52,251,023,938	29,489,125,226
60	Cash and cash equivalents at the beginning of the year	3	107,540,697,741	78,051,572,515
70	Cash and equivalents at the year-end	3	159,791,721,679	107,540,697,741

Hoang Thi Thanh Thuy
Preparer

Bui Thi Kim Na
Chief Accountant

Nguyen Le Hoang
General Director

Dong Nai, 30 March 2026

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
 Year 2025

1. GENERAL INFORMATION

a. Forms of ownership

Thac Mo Hydropower Joint Stock Company ("the Company"), formerly known as Thac Mo Hydropower Plant, was previously a dependent accounting unit under Vietnam Electricity Corporation (now Vietnam Electricity – "EVN"). The Company was established and operates in accordance with Enterprise Registration Certificate ("ERC") No. 4403000108, issued by the Department of Planning and Investment of Binh Phuoc Province (now the Department of Finance of Dong Nai Province) on 01 January 2008, and its amendments, its latest amended ERC (11th amendment), No. 3800311306, dated 01 October 2025.

The Company's head office is located at Thac Mo 5 Quarter, Phuoc Long Ward, Dong Nai Province, Vietnam.

The Company's shares are listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) under the stock code TMP.

As at 31 December, the Company's charter capital is VND 700,000,000,000 equivalent to 70,000,000 shares, par value of one share is VND 10,000.

The total number of the Company and its subsidiaries employees as at 31 December 2025 is: 154 employees (as at 31 December 2024 is: 157 employees).

b. Business field and business activities:

Main business activities of the Company include:

- ▶ Electricity production and business activities;
- ▶ Management, operation, maintenance, repair, renovation, and installation of electrical equipment, hydraulic works, and power plant architectural structures;
- ▶ Investment and construction of power source projects; construction of transmission lines and substations.

c. The Company's structure

The Company's subsidiaries consolidated in Consolidated Financial Statements:

<u>Name of subsidiaries</u>	<u>Head office</u>	<u>Ownership</u>	<u>Voting rights</u>	<u>Principal activities</u>
My Hung Tay Nguyen Joint Stock Company	Lam Dong, Vietnam	99.92%	100.00%	Hydropower business
Dakrosa Hydropower Joint Stock Company	Gia Lai, Vietnam	61.17%	61.17%	Hydropower business

2. ACCOUNTING SYSTEM AND ACCOUNTING POLICY

2.1. Accounting period and accounting currency

Annual accounting period commences from 01 January and ends as at 31 December.
 The Company maintains its accounting records in Vietnam Dong (VND).

2.2. Standards and Applicable Accounting Policies

Applicable Accounting Policies

The Company applies Corporate Accounting System issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 by the Ministry of Finance, which was amended and supplemented by Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 by the Ministry of Finance and Circular No. 202/2014/TT-BTC guideline for the preparation and presentation of the consolidated financial statements.

Declaration of compliance with Accounting Standards and Accounting System

The Company applies Vietnamese Accounting Standards and supplementary documents issued by the State. Financial statements are prepared in accordance with regulations of each standard and supplementary documents as well as with current Accounting Standards and Accounting System.

The Company also applies the Accounting Regime for Enterprises applicable to the Vietnam Electricity Group, which was approved by the Ministry of Finance in Document No. 12227/BTC-CĐKT dated September 3, 2015, and the accounting guidelines for units under the Vietnam Electricity Group issued by the Vietnam Electricity Group in Document No. 1425/EVN-TCKT dated March 22, 2019 ("EVN Accounting Regime").

2.3. Basis for preparation of Consolidated Financial Statements

Consolidated Financial Statements are prepared based on consolidating Consolidated Financial Statements of the Company and its subsidiaries under its control as at 31 December annually. Control right is achieved when the Company has power to govern the financial and operating policies of invested companies to obtain benefits from their activities.

Consistent accounting policies are applied in the Financial Statements of subsidiaries and the Company. If necessary, adjustments are made to the Financial Statements of subsidiaries to ensure the consistency of application of accounting policies among the Company and its subsidiaries.

Balance, main incomes and expenses, including unrealized profits from intra-group transactions are eliminated in full from the Consolidated financial statements.

Non - controlling interests represents the portion of profit or loss and net assets not held by the owners.

2.4. Accounting estimates

The preparation of Consolidated Financial Statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and legal regulations relating to financial reporting requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of liabilities, assets and disclosures of contingent liabilities and assets at the date of the Consolidated Financial Statements and the reported amounts of revenues and expenses during the accounting year.

The estimates and assumptions that have a material impact in the Consolidated Financial Statements include:

- ▶ Provision for bad debts
- ▶ Provision for devaluation of inventory
- ▶ Estimated useful life of fixed assets
- ▶ Estimated allocation of prepaid expenses
- ▶ Classification and provision of financial investments
- ▶ Estimated income tax

Such estimates and assumptions are continually evaluated. They are based on historical experience and other factors, including expectations of future events that may have a financial impact on the Company's Consolidated Financial Statements and that are assessed by the Board of Management to be reasonable under the circumstances.

2.5. Financial Instruments

Initial recognition

Financial assets

Financial assets of the Company include cash, cash equivalents, trade receivables, other receivables, lending loans, long-term and short-term investments. At initial recognition, financial assets are identified by purchasing price/issuing cost plus other expenses directly related to the purchase and issuance of those assets.

Financial liabilities

Financial liabilities of the Company include borrowings, trade payables, other payables and accrued expenses. At initial recognition, financial liabilities are determined by issuing price plus other expenses directly related to the issuance of those liabilities.

Subsequent measurement after initial recognition

Financial assets and financial liabilities have not been measured at fair value at the balance sheet date as required by Circular No. 210/2009/TT-BTC and other applicable regulations to present the financial statements and disclosures for financial instruments, but does not provide equivalent guidance for the assessment and recognition of fair values of financial assets and financial liabilities.

2.6. Cash and cash equivalents

Cash comprises cash on hand and demand deposits.

Cash equivalents are short-term investments with the maturity of not over than 3 months from the date of investment, that are highly liquid and readily convertible into known amount of cash and that are subject to an insignificant risk of conversion into cash.

2.7. Financial investments

In the Consolidated Financial Statements, investments in associates are accounted for using equity method. Under this method, the investments are initially recognised at cost and adjusted thereafter for the post acquisition change in the Group's share in net assets of the associate after acquisition date. Goodwill incurred from the investment in the associates is reflected in the carrying amount of the investment in the associate. The Group will not allocate such goodwill but assess annually to determine whether the goodwill is under impaired loss or not.

For the adjustment of the value of investments in associates arising in the year, the Company adjusts the value of the investment in proportion to its share in profits and losses of joint associates and immediately recognizes it in the Consolidated Income Statement.

Financial Statements of associates are prepared in the same period with the Group's consolidated financial statements and use the consistent accounting policies with the Group's policies. Adjustment shall be made if necessary to ensure the consistence with the Group's accounting policies.

Investments in other entities comprise investments in equity instruments of other entities without having control, joint control, or significant influence on the investee. These investments are initially stated at original cost. After initial recognition, these investments are measured at original cost less provision for devaluation of investments.

Provision for devaluation of investments is made at the end of the year as follows:

- ▶ Long-term investments (other than trading securities) without significant influence on the investee: provision shall be made based on the Financial Statements at the provision date of the investee.
- ▶ Investments held to maturity: provision for doubtful debts shall be made based on the recovery capacity in accordance with statutory regulations.

2.8. Receivables

The receivables shall be recorded in details in terms of due date, entities receivable, types of currency and other factors according to requirements for management of the Company. Receivables shall be classified into short-term receivables or long-term receivables on the Consolidated Financial Statements according to their remaining terms at the reporting date.

The provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue under an economic contract, a loan agreement, a contractual commitment or a promissory note and for receivables that are not due but difficult to be recovered. Accordingly, the provisions for overdue debts shall be based on the due date stipulated in the initial sale contract, exclusive of the debt rescheduling between contracting parties and the case where the debts are not due but the debtor is in bankruptcy, in dissolution, or missing and making fleeing or estimating possible losses.

2.9. Inventories

Inventories are initially recognized at original cost including purchase price, processing cost and other costs incurred in bringing the inventories to their location and condition at the time of initial recognition. After initial recognition, at the reporting date, inventories are stated at the lower of cost and net realizable value.

Net realizable value is estimated based on the selling price of the inventory minus the estimated costs for completing the products and the estimated costs needed for their consumption.

The cost of inventory is calculated using weighted average method.

Inventory is recorded by perpetual method.

The value of work in progress is recorded based on actual cost incurred for each unfinished product.

Provision for devaluation of inventories made at the end of the year is based on the excess of original cost of inventory over their net realizable value.

2.10. Fixed assets

Fixed assets (tangible and intangible) are initially stated at the historical cost. During the using time, fixed assets are recorded at cost, accumulated depreciation and carrying amount.

Subsequent measurement after initial recognition

If these costs aurent future economic benefits obtained from the use of tangible fixed assets are extended to their initial standards conditions, these costs are capitalized as an incremental in their historical cost.

Other costs incurred after tangible fixed assets have been put into operation such as repair, maintenance and overhaul costs are recognized in the Statement of income in the period in which the costs are incurred.

Fixed assets are depreciated (amortised) using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

▶ Buildings, structures	10 - 25 years
▶ Machinery, equipment	05 - 12 years
▶ Vehicles, Transportation vehicles	10 - 20 years
▶ Office equipment and furniture	03 - 10 years
▶ Land use rights	29 - 34 years
▶ Computer software	03 - 05 years

2.11. Construction in progress

Construction in progress includes fixed assets which is being purchased and constructed as at the balance sheet date and is recognised in historical cost. This includes costs of construction, installation of equipment and other direct costs.

2.12. Operating lease

Operating leases is fixed asset leasing in which a significant portion of the risks and rewards of ownership are retained by the lessor. Payments made under operating leases are charged to income statement on a straight-line basis over the period of the lease.

2.13. Prepaid expenses

The expenses incurred but related to operating results of several accounting years are recorded as prepaid expenses and are allocated to the operating results in the following accounting years.

The calculation and allocation of long-term prepaid expenses to operating expenses in each accounting year should be based on the nature of those expenses to select a reasonable allocation method and criteria.

Types of prepaid expenses of the Company include:

- ▶ Land clearance and prepaid land expenses include prepaid land rental, including those related to leased land for which the Company has received the land use right certificate but is not eligible for recognition of intangible fixed assets under to Circular No. 45/2013/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 25 April 2013 guiding the regime of management, use and depreciation of fixed assets and other costs incurred related to securing the use of the leased land. These expenses are recognized in the Consolidated Income Statement on a straight-line basis over the lease term of the contract.
- ▶ Other prepaid expenses include software costs, insurance, repair and maintenance, etc. are stated at cost and amortized on a straight-line basis over the useful life or contract term from 01 year to 03 years.

2.14. Payables

The payables shall be recorded in details in terms of due date, entities payable, types of currency and other factors according to the requirements for management of the Company. The payables shall be classified into short-term payables and long-term payables on the Consolidated Financial Statements based on the remaining maturities of the payables at the reporting date.

2.15. Borrowings

Borrowings shall be recorded in details in terms of lending entities, loan agreement and terms of borrowings. In case of borrowings or liabilities denominated in foreign currency, they shall be recorded in details in terms of types of currency.

2.16. Borrowing costs

Borrowing costs are recognized as operating expenses in the year, in which it is incurred excepting those which are directly attributable to the construction or production of a qualifying asset are capitalized as part of the cost of that asset in accordance with VAS No. 16 "Borrowing costs".

2.17. Accrued expenses

Accrued expenses include payables to goods or services received from the suppliers or provided for the customers during the reporting year, but the payments for such goods or services have not been made and other payables such as accrued interest expenses, electricity purchase costs, construction protection expenses, and other accrued expenses, which are recorded as operating expenses of the reporting year.

The recording of accrued expenses as operating expenses during the year shall be carried out under the matching principle between revenues and expenses during the year. Accrued expenses are settled with actual expenses incurred. The difference between accrued and actual expenses is reverted.

2.18.Owner's equity

Owner's equity is stated at actual contributed capital of owners.

Other capital is the operating capital formed from the operating results or from gifts, presents, financing, assets revaluation. (if these items are allowed to be recorded as a decrease or increase in the owner's equity).

Other equity fund is a reserve fund to purchase treasury shares as approved by the General Meeting of Shareholders.

Dividends to be paid to shareholders are recognised as a payable in Statement of Financial position after the announcement of dividend payment from the Board of Directors and announcement of cut-off date for dividend payment of Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation - VSDC.

2.19.Revenue

Revenue is recognized when it is probable that the economic benefits will flow to the Company which can be reliably measured. Revenue is determined at the fair value of the amounts received or to be received after deducting trade discounts, sales discounts, sales returns.

The following specific recognition conditions must also be met when recognizing revenue:

Electricity sales revenue

- ▶ Significant risks and rewards associated with the ownership of the goods have been transferred to the buyer; and
- ▶ The Company retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the goods sold.

Revenue from electricity sales is recognized monthly immediately after the production output fed into the national power grid is confirmed by the National Power System and Market Operator Company Limited ("NSMO").

Rendering of services

- ▶ The stage of the completion of the transaction at the end of the reporting period can be measured reliably.

Financial income

Financial incomes include income from interest and other financial gains earned by the Company should be recognized when these two conditions are satisfied:

- ▶ It is probable that economic benefits associated with transaction will flow to the Company; and
- ▶ The amount of revenue can be measured reliably.

Dividend income shall be recognised when the Company's right to receive dividend is established.

2.20.Cost of goods sold (electricity) and services rendered

Cost of goods sold (electricity) and services rendered are cost of finished goods, merchandises, materials sold or services rendered during the year, and recorded on the basis of matching with revenue and on a prudence basis.

Cases of loss of materials and goods exceeded the norm, labour cost and fixed manufacturing overheads not allocated to the value of inventory, provision for devaluation of inventory, abnormal expenses and losses of inventories after deducting the responsibility of collective and individuals concerned, etc. is recognized fully and promptly into cost of goods sold in the year even when products and goods have not been determined as sold.

2.21. Financial expenses

Items recorded into financial expenses comprise expenses or losses relating to financial investment activities and borrowing costs.

The above items are recorded by the total amount arising in the year without offsetting against financial income.

2.22. Corporate income tax (CIT)

a) *Deferred income tax asset*

Deferred income tax asset is recognized for deductible temporary differences and the carrying forward of unused tax losses and unused tax credits. Deferred income tax asset is determined based on tax rates enacted at the end of accounting year (20%).

Deferred tax assets are recognized only to the extent that it is probable that taxable profit in future will be available against which the deductible temporary difference can be utilised. Deferred tax assets are recorded and decrease to the extent that it is not sure taxable economic benefits will be usable.

b) *Current corporate income tax expenses and deferred corporate income tax expenses*

Current corporate income tax expenses are determined based on taxable income during the year and current corporate income tax rate.

Deferred corporate income tax expenses are determined based on deductible temporary differences, the taxable temporary differences and corporate income tax rate.

Current corporate income tax expenses and deferred corporate income tax expenses are not offset against each other.

c) *Tax incentives policies*

<u>Company</u>	<u>Documents</u>	<u>Summary of tax incentives</u>	<u>Effective dates</u>
Thac Mo Hydropower Joint Stock Company	Article 11, Article 12 of Circular 96/2015/TT-BTC dated 22 June 2015	Entitled to a preferential tax rate of 10% for 15 years from the year of revenue, exempted from CIT for 4 years from the year of taxable income, and a 50% of reduction for the next 9 years on income from the project.	From 2020
My Hung Tay Nguyen Joint Stock Company	Article 11, Article 12 of Circular 96/2015/TT-BTC dated 22 June 2015	Entitled to a preferential tax rate of 10% for 15 years from the year of revenue, exempted from CIT for 4 years from the year of taxable income, and a 50% of reduction for the next 9 years on income from the project.	From 2015

d) *Current corporate income tax rate*

<u>Company</u>	<u>Tax rate</u>
----------------	-----------------

Parent company

Thac Mo Hydropower Joint Stock Company	A 10% of tax rate and a 50% of reduction in CIT payable for the year on income from the solar power project.
--	--

Subsidiaries	A 20% of tax rate applies to non-tax-incentive activities.
My Hung Tay Nguyen Joint Stock Company	A 10% of tax rate and a 50% reduction in CIT payable for the year on income from the hydropower project.
	A 20% of tax rate applies to non-tax-incentive activities.
Dakrosa Hydropower Joint Stock Company	A 20% of tax rate applies to business activities with taxable corporate income.

2.23. Earnings per share

Basic earnings per share are calculated by dividing net profit or loss after tax for the year attributable to ordinary shareholders of the Company (after adjusting for the bonus and welfare fund and allowance for Board of Management) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

2.24. Related parties

The parties are regarded as related parties if that party has the ability to control or significantly influence the other party in making decisions about the financial policies and activities. The Company's related parties include:

- ▶ Companies, directly or indirectly through one or more intermediaries, having control over the Company or being under the control of the Company, or being under common control with the Company, including the Company's parent, subsidiaries and associates;
- ▶ Individuals, directly or indirectly, holding voting power of the Company that have a significant influence on the Company, key management personnel including directors and employees of the Company, the close family members of these individuals;
- ▶ Enterprises that the above-mentioned individuals directly or indirectly hold an important part of the voting power or have significant influence on these enterprises.

In considering the relationship of related parties to serve for the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements, the Company should consider the nature of the relationship rather than the legal form of the relationship.

2.25. Segment information

All of the Company's revenue is in the territory of Vietnam and most of the Company's revenue is from providing transportation services, the Company does not prepare segment reports by business field and by geographical area.

3. Cash and cash equivalents

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Cash on hand	200,206,221	-
Cash in bank	10,478,375,732	6,260,697,741
Cash equivalents (*)	149,113,139,726	101,280,000,000
	<u>159,791,721,679</u>	<u>107,540,697,741</u>

(*) As at 31 December 2025, cash equivalents represent time deposits with maturities from one month to three months placed at commercial banks, bearing interest rates ranging from 4.5% to 4.75% per annum.

4. Financial investment

a) Short-term held to maturity

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
a) Short-term	767,800,000,000	455,000,000,000
Cash in bank (*)	767,800,000,000	455,000,000,000
b) Long term	-	15,000,000,000
Cash in bank (**)	-	15,000,000,000
	<u>767,800,000,000</u>	<u>470,000,000,000</u>

(*) As of 31 December 2025, short-term held-to-maturity investments consisting of term deposits with maturities exceeding three months but not exceeding 12 months at commercial banks, with interest rates ranging from 4.5% to 6.2% per annum.

b) Investments in associates

Address	31/12/2025			01/01/2025		
	Ownership ratio %	Voting ratio %	Book value under the equity method VND	Ownership ratio %	Voting ratio %	Book value under the equity method VND
Thuan Binh Wind Power Joint Stock Company Lam Dong, Vietnam	20.00	20.00	162,835,999,140	20.00	20.00	143,261,142,872
Thac Mo Hydropower Reservoir Investment and Exploitation JSC Dong Nai, Vietnam	29.00	29.00	1,163,275,518	29.00	29.00	1,438,075,518
			163,999,274,658			144,699,218,390

c) Other investments in equity instruments

	31/12/2025		01/01/2025	
	Value VND	Provision VND	Value VND	Provision VND
Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company	149,580,000,000	-	149,580,000,000	-
Dong Nai Electricity Mechanical Joint Stock Company	1,280,000,000	-	1,280,000,000	-
	150,860,000,000	-	150,860,000,000	-

The Company has not determined the fair value of financial investments since Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Corporate Accounting System has not provided any detailed guidance on the determination of the fair value.

5. Short-term trade receivables

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Related parties	217,012,476,408	350,458,376,390
Electricity Power Trading Company	176,865,160,336	319,091,273,265
Central Power Corporation	16,724,341,200	19,514,903,847
Hydropower Project Management Board No.6	-	791,199,395
Vietnam Electricity	7,953,749,049	5,666,941,466
Southern Power Corporation	15,440,822,499	5,394,058,417
Dong Nai Power Company - Branch of Southern Power Corporation	28,403,324	-
Other parties	1,989,387,667	2,577,980,467
	<u>219,001,864,075</u>	<u>353,036,356,857</u>

6. Other receivables

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Short-term		
a.1) Details by nature		
Interest receivables	14,195,640,553	5,944,872,973
Dividends receivable	-	13,500,000,000
VAT receivable	7,125,303,681	1,321,972,112
Payment on behalf	7,827,021,362	317,593,516
Others	4,301,882,601	4,429,519,686
	<u>33,449,848,197</u>	<u>25,513,958,287</u>
a.2) Details by object		
Related parties	7,827,021,362	13,552,064,416
Quang Ninh Thermal Power JSC	-	13,500,000,000
Vietnam Electricity	7,827,021,362	52,064,416
Other parties	25,622,826,835	11,961,893,871
	<u>33,449,848,197</u>	<u>25,513,958,287</u>
b) Long-term		
Collateral	955,107,000	895,107,000
	<u>955,107,000</u>	<u>895,107,000</u>

7. Inventories

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Raw material	690,454,079	563,160,410
Tools, supplies	155,200	155,200
Work in progress	1,390,287,415	-
	<u>2,080,896,694</u>	<u>563,315,610</u>

8. Prepaid expenses

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
a) Short-term		
Software costs	426,345,098	347,373,875
Insurance	803,298,529	617,061,714
Others	620,997,229	501,912,637
	<u>1,850,640,856</u>	<u>1,466,348,226</u>
b) Long-term		
Land rent (Note 19)	3,269,237,606	3,343,679,448
Maintenance and repair costs	2,468,703,846	3,610,569,041
Others	3,413,088,200	3,601,502,651
	<u>9,151,029,652</u>	<u>10,555,751,140</u>

9. Tangible fixed assets

	Buildings and structures VND	Machinery and equipment VND	Vehicles equipment VND	Management equipment VND	Total VND
Historical cost					
As at 01/01/2025	1,751,410,720,079	1,280,502,382,230	189,272,300,405	41,370,808,784	3,262,556,211,498
Purchase	4,844,763,489	52,291,893,736	4,567,637,193	11,912,796,996	73,617,091,414
Completed construction	1,514,483,628	-	-	-	1,514,483,628
Liquidating, disposal	-	-	(2,048,189,090)	(262,690,000)	(2,310,879,090)
As at 31/12/2025	1,757,769,967,196	1,332,794,275,966	191,791,748,508	53,020,915,780	3,335,376,907,450
Accumulated depreciation					
As at 01/01/2025	1,463,350,951,367	898,114,911,781	140,539,077,009	19,022,472,310	2,521,027,412,467
Depreciation	25,012,092,598	61,188,584,483	7,147,338,659	5,225,835,387	98,573,851,127
Depreciation of fixed assets formed from the science and technology fund	-	5,301,735	-	1,244,061	6,545,796
Liquidating, disposal	-	-	(2,048,189,090)	(262,690,000)	(2,310,879,090)
As at 31/12/2025	1,488,363,043,965	959,308,797,999	145,638,226,578	23,986,861,758	2,617,296,930,300
Net carrying amount					
As at 01/01/2025	288,059,768,712	382,387,470,449	48,733,223,396	22,348,336,474	741,528,799,031
As at 31/12/2025	269,406,923,231	373,485,477,967	46,153,521,930	29,034,054,022	718,079,977,150

▶ Cost of fully depreciated tangible fixed assets but still in use at the end of the year: VND 1,961,855,510,333.

▶ The carrying amount of tangible fixed assets pledged as collaterals for borrowings at the end of the year: VND 321,261,532,462.

10. Intangible fixed assets

	Land use right (*) VND	Computer software VND	Total VND
Historical cost			
As at 01/01/2025	16,325,753,650	4,598,811,776	20,924,565,426
Purchase	-	1,705,000,000	1,705,000,000
As at 31/12/2025	16,325,753,650	6,303,811,776	22,629,565,426
Accumulated amortization			
As at 01/01/2025	6,316,397,378	1,180,436,384	7,496,833,762
Amortization	189,807,072	1,119,637,224	1,309,444,296
Amortization of fixed assets formed from the science and technology fund	318,666,672	-	318,666,672
As at 31/12/2025	6,824,871,122	2,300,073,608	9,124,944,730
Net carrying amount			
As at 01/01/2025	10,009,356,272	3,418,375,392	13,427,731,664
As at 31/12/2025	9,500,882,528	4,003,738,168	13,504,620,696

- ▶ The carrying amount of in tangible fixed assets pledged as collaterals for borrowings at the end of the year: VND 1,010,228,903.
- ▶ Cost of fully amortized in tangible fixed assets but still in use at the end of the year: VND 1,207,902,598.

(*) The perpetual land use rights of the Parent company and subsidiaries at:

- ▶ Plot No. 12, Phuoc Long ward, Dong Nai province, with a usage term until 15 October 2043.
- ▶ Plot No. 55, Phuoc Long ward, Dong Nai province, with a usage term until 15 October 2043.
- ▶ Plot No. 34, 117 Le Dai Hanh, Thong Nhat ward, Gia Lai province. The usage term for perennial crop land and commercial land is until 2043. The usage term for business production facility land is until 3 April 2058.
- ▶ Ngoc Tu commune, Kon Dao commune, Quang Ngai province. The usage term is until 16 October 2057.
- ▶ Dak Cho Village, Ngoc Tu commune, Quang Ngai Province. The usage term is until 13 October 2040.
- ▶ Thon 6, Kon Dao commune, Quang Ngai province. The usage term is until 13 October 2040.

11. Construction in-progress

As at 31 December 2025, construction in progress comprises the following items:

- ▶ Water inflow forecasting software for the reservoir, amounting to VND 2,233,815,306. The total contract value is VND 4,748,000,000 (including VAT). The project is currently in the stage of module completion and practical testing.
- ▶ Major overhaul project, amounting to VND 1,024,384,376. The project has completed the tender invitation procedures and preparation of the economic plan and is currently in the stage of receiving and evaluating bidding documents.

12. Short-term trade payables

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Related parties	11,242,543,320	5,834,601,248
Power Engineering Consulting JSC 1	88,075,266	-
Power Engineering Consulting JSC 2	598,850,179	577,972,372
Power Engineering Consulting JSC 3	10,085,972,647	4,570,560,000
Information and Communications Technology Company of Vietnam Electricity	304,583,145	-
A Vuong Hydropower Joint Stock	140,940,000	-
Power Engineering Consulting JSC 4	-	668,800,000
Southern Electrical Testing Company	-	17,268,876
Dong Nai Hydropower Company - Power Generation Corporation 1 Branch	24,122,083	-
Other parties	90,368,980,681	29,076,939,751
Dong Anh Electrical Equipment Corporation - Joint Stock Company	31,104,000,000	-
NHT System Integration Company Limited	8,535,373,598	-
Others	50,729,607,083	29,076,939,751
	<u>101,611,524,001</u>	<u>34,911,540,999</u>

13. Short-term accrued expenses

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Accrued interest expenses	449,703,755	506,437,974
Construction and installation cost of the 22kV transmission line connecting to the MBA	1,649,317,475	-
Others	564,325,629	671,772,117
	<u>2,663,346,859</u>	<u>1,178,210,091</u>

14. Other short-term payables

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dividends payables	82,540,936,883	13,587,257,016
Others	1,945,384,889	1,412,113,562
	<u>84,486,321,772</u>	<u>14,999,370,578</u>

15. Scientific and technological development fund

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Beginning balance	20,145,768,543	20,558,500,000
Fund utilization	(503,052,468)	(412,731,457)
Year-end balance	<u>19,642,716,075</u>	<u>20,145,768,543</u>

Thac Mo Hydropower Joint Stock Company

Thac Mo 5 Quarter, Phuoc Long Ward, Dong Nai Province, Vietnam

Consolidated Financial Statements
For the fiscal year ended 31/12/2025**16. Tax payables and statutory obligations**

	01/01/2025		Movement		31/12/2025	
	Receivables VND	Payables VND	Actual payment VND	Payables VND	Receivables VND	Payables VND
VAT	-	2,644,847,522	54,602,977,493	55,031,120,579	-	3,072,990,608
Corporate income tax	28,698,024	56,001,969,739	71,935,688,723	63,390,716,431	-	47,428,299,423
Personal income tax	188,226,107	1,040,000	6,294,550,329	5,166,000,890	1,321,841,505	6,105,959
Natural resource tax	-	4,552,032,957	91,455,625,796	92,960,607,270	-	6,057,014,431
Land tax and land rental	-	-	2,330,151,579	2,209,039,780	121,111,799	-
Forest environmental service fee	-	7,823,638,584	31,140,371,376	30,639,181,212	-	7,322,448,420
Water resource exploitation rights fee	-	-	9,492,162,000	9,492,162,000	-	-
Other payables	-	-	16,000,000	16,000,000	-	-
	216,924,131	71,023,528,802	267,267,527,296	258,904,828,162	1,442,953,304	63,886,858,841

The Company's tax settlements are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations on many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amounts reported in the Consolidated Financial Statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

Thac Mo Hydropower Joint Stock Company

Thac Mo 5 Quarter, Phuoc Long Ward, Dong Nai Province, Vietnam

Consolidated Financial Statements
For the fiscal year ended 31/12/2025

17. Loans

	01/01/2025		Movement		31/12/2025	
	Book value VND	Liquidity VND	Increase VND	Decrease VND	Book value VND	Liquidity VND
a) Short-term						
Proportion of long-term loans						
Shinhan Bank Vietnam Limited (1)	50,853,956,580	50,853,956,580	50,853,956,580	50,853,956,580	50,853,956,580	50,853,956,580
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Nam Gia Lai Branch (2)	1,050,000,000	1,050,000,000	1,200,000,000	1,050,000,000	1,200,000,000	1,200,000,000
	51,903,956,580	51,903,956,580	52,053,956,580	51,903,956,580	52,053,956,580	52,053,956,580
b) Long-term						
Shinhan Bank Vietnam Limited (1)	305,123,739,483	305,123,739,483	-	50,853,956,580	254,269,782,903	254,269,782,903
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Nam Gia Lai Branch (2)	6,750,000,000	6,750,000,000	-	1,050,000,000	5,700,000,000	5,700,000,000
	311,873,739,483	311,873,739,483	-	51,903,956,580	259,969,782,903	259,969,782,903
Maturity within next 12 months	(51,903,956,580)	(51,903,956,580)	(52,053,956,580)	(51,903,956,580)	(52,053,956,580)	(52,053,956,580)
Maturity after 12 months	259,969,782,903	259,969,782,903			207,915,826,323	207,915,826,323

17. Loans (continued)

The terms and conditions of the outstanding long-term loan are as follows:

	Interest rate %/year	Due Date	Purpose	Guarantee	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
(1) Shinhan Bank Vietnam Limited	12-month savings interest rate + 2-2.3%	21/10/2030	Construction of Thac Mo Solar Power Plant	Part of tangible fixed assets at Thac Mo Hydropower Plant (Note 9)	254,269,782,903	305,123,739,483
(2) Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Nam Gia Lai Branch	12-month savings interest rate + 2.4%	30/08/2030	Upgrading equipment of Dakrosa Hydropower Plant	Land use rights (Note 10) and assets attached to land (Note 9)	5,700,000,000	6,750,000,000
					259,969,782,903	311,873,739,483

Loans from banks and other credit institutions are secured by mortgage contracts with lenders and have been registered for fully secured transactions.

Thac Mo Hydropower Joint Stock Company
Thac Mo 5 Quarter, Phuoc Long Ward, Dong Nai Province, Vietnam

Consolidated Financial Statements
For the fiscal year ended 31/12/2025

18. Owners' equity

a) Changes in equity

	Contributed charter capital	Other owner's equity	Investment and development fund	Retained earnings	Non-controlling interest	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
As at 01/01/2024	700,000,000,000	254,130,345,832	3,553,090,628	589,754,111,331	39,442,971,750	1,586,880,519,541
Profit of the previous year	-	-	-	350,354,421,130	4,798,676,090	355,153,097,220
Appropriation to the Development Investment Fund	-	-	138,479,264,050	(138,479,264,050)	-	-
Procurement of fixed assets using the Development Investment Fund	-	30,533,188,302	(30,533,188,302)	-	-	-
Reversal / (Appropriation) of the Bonus & Welfare Fund	-	-	-	1,861,058,846	(588,357,596)	1,272,701,250
Profit distribution	-	-	-	(397,810,000,000)	(5,591,802,600)	(403,401,802,600)
As at 31/12/2024	700,000,000,000	284,663,534,134	111,499,166,376	405,680,327,257	38,061,487,644	1,539,904,515,411
Profit of the current year	-	-	-	317,453,016,277	5,601,575,220	323,054,591,497
Appropriation to the Development Investment Fund (*)	-	-	105,757,953,862	(107,117,003,862)	1,359,050,000	-
Reversal of the Development Investment Fund	-	-	(2,140,950,000)	3,500,000,000	(1,359,050,000)	-
Procurement of fixed assets using the Development Investment Fund	-	59,487,402,759	(59,487,402,759)	-	-	-
Reversal / (Appropriation) of the Bonus & Welfare Fund (*)	-	-	-	(9,678,434,800)	(657,780,200)	(10,336,215,000)
Dividends (*)	-	-	-	(154,000,000,000)	(5,591,802,600)	(159,591,802,600)
As at 31/12/2025	700,000,000,000	344,150,936,893	155,628,767,479	455,837,904,872	37,413,480,064	1,693,031,089,308

Thac Mo Hydropower Joint Stock Company

Thac Mo 5 Quarter, Phuoc Long Ward, Dong Nai Province, Vietnam

Consolidated Financial Statements
For the fiscal year ended 31/12/2025

(*) According to Resolution No. 02/NQ-TMP-DHCB dated 27 June 2025, other resolutions of the General Meeting of Shareholders of the Subsidiary companies and Resolution No. 843/NQ-HBQT dated 11 December 2025, the Company announces the distribution of profits for the year 2024 and approved the first interim dividend payment for 2025 as follows:

Profit distribution	At the		Subsidiaries distribute to		Total (3) = (1) + (2)	Temporarily distributed in 2024 VND
	Parent company (1)	VND	Parent company (2)	Non-controlling shareholders VND		
Appropriation/(Reversal) for the investment and development fund	105,757,953,862		(2,140,950,000)	(1,359,050,000)	103,617,003,862	-
Appropriation/(Reversal) for bonus fund, welfare fund, bonus fund for managers and controllers	7,695,406,000		1,983,028,800	657,780,200	9,678,434,800	-
Dividends (**)	280,000,000,000		8,808,197,400	5,591,802,600	288,808,197,400	126,000,000,000

(**) Of which, at the Parent Company, dividends are as follows:

- ▶ The first dividend installment for 2024 was advanced in 2024, amounting to VND 126,000,000,000 (18%).
- ▶ The second dividend installment for 2024 was paid in 2025, amounting to VND 84,000,000,000 (12%).
- ▶ The first dividend installment for 2025 was paid on 6 February 2026, amounting to VND 70,000,000,000 (10%), pursuant to Resolution No. 843/NQ-HBQT dated 11 December 2025. According to Announcement No. 2329/TB-SGDHCM dated 16 December 2025, the record date for dividend entitlement was 25 December 2025.

b) Details of contributed capital

	31/12/2025	Ratio	01/01/2025	Ratio
	VND	%	VND	%
Power Generation Joint Stock Corporation 2	363,415,000,000	51.92	363,415,000,000	51.92
REE Energy Company Limited	298,437,400,000	42.63	298,437,400,000	42.63
Others	38,147,600,000	5.45	38,147,600,000	5.45
	700,000,000,000	100	700,000,000,000	100

c) Capital transactions with owners and dividend distributions

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Contributed charter capital		
- Capital at beginning of the year	700,000,000,000	700,000,000,000
- Capital at the year-end	700,000,000,000	700,000,000,000
Dividends and profit		
- Dividends and profit at the beginning of the year	13,587,257,016	13,736,537,711
- Dividends and profit in the year	159,591,802,600	403,401,802,600
+ <i>Dividends and profit of the last year</i>	<i>89,591,802,600</i>	<i>277,401,802,600</i>
+ <i>Dividends and profit of the current year</i>	<i>70,000,000,000</i>	<i>126,000,000,000</i>
- Dividends and profit paid by cash	90,638,122,733	403,551,083,295
- Dividends and profit at the end of the year	82,540,936,883	13,587,257,016
+ <i>Dividends and profit payables by cash</i>	<i>82,540,936,883</i>	<i>13,587,257,016</i>

d) Share

	31/12/2025	01/01/2025
	Shares	Shares
Registered number of share issued	70,000,000	70,000,000
Number of shares sold to the public	70,000,000	70,000,000
- <i>Common shares</i>	<i>70,000,000</i>	<i>70,000,000</i>
Number of shares in issue	70,000,000	70,000,000
- <i>Common shares</i>	<i>70,000,000</i>	<i>70,000,000</i>

Par value of shares in circulation: VND 10,000/ share.

e) Company's reserves

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Investment and development fund	155,628,767,479	111,499,166,376

19. Off statement of financial position items

Operating asset for leasing

The Company is currently leasing assets under the following lease agreements:

- ▶ Office lease agreement No. HD596/et/REE/22 dated 15 April 2022, with R.E.E Real Estate Management and Exploitation Co., Ltd., for leasing part of the Etown 1 building to be used as office space. The lease term is 5 years from 20 May 2022 to 19 May 2027. The payment for office rent is made quarterly.
- ▶ The land lease contract for office use in Dong Xoai City, Binh Phuoc Province has been paid in advance in a lump sum for the entire lease term (Note 8).
- ▶ The Company has land lease agreements in Dong Nai province, Lam Dong province, Gia Lai province, and Quang Ngai province for the construction of hydroelectric plants and solar power plants. The Company is required to pay annual land rent until the contract expiration date in accordance with the current regulations of the State.

20. Revenues from goods sold and services rendered

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Sales of electricity	737,025,152,656	747,967,022,575
Sales of services rendered	15,021,656,722	15,536,000,629
Others	-	126,106,214
Net revenues	752,046,809,378	763,629,129,418
In which, revenue from related parties (Note 30)	748,827,641,906	757,684,072,227

21. Costs of goods sold and services rendered

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Cost of electricity	335,715,362,738	309,060,585,392
Cost of services rendered	12,764,620,105	12,751,773,963
	348,479,982,843	321,812,359,355
In which, purchase from related parties (Note 30)	16,833,106,845	10,992,204,097

22. Financial Income

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Interest on savings	32,706,682,783	14,294,538,045
Gains on investment disposal	-	7,300,000
Dividends distributed	2,880,000,000	23,730,000,000
	35,586,682,783	38,031,838,045
In which, financial income from related parties (Note 30)	2,880,000,000	23,730,000,000

23. General administrative expenses

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Labor	20,664,199,807	19,281,169,348
Depreciation and amortization	3,479,814,882	3,564,486,140
Taxes, fees and charges	366,282,002	567,224,400
Others by cash	43,303,655,393	35,942,940,575
	<u>67,813,952,084</u>	<u>59,355,820,463</u>

24. Corporate income tax - current

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Current CIT expense at the Parent Company	58,666,096,000	66,233,196,563
Current CIT expenses at Subsidiaries	4,724,620,431	4,007,925,771
- <i>My Hung Tay Nguyen Joint Stock Company</i>	990,384,798	531,301,976
- <i>Dakrosa Hydropower Joint Stock Company</i>	3,734,235,633	3,476,623,795
	<u>63,390,716,431</u>	<u>70,241,122,334</u>

25. Deferred income tax

a) Deferred income tax assets

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Corporate income tax rate used to determine deferred income tax liabilities	20%	20%
Deferred income tax liabilities arising from deductible temporary difference	421,872,442	552,369,150
	<u>421,872,442</u>	<u>552,369,150</u>

b) Deferred corporate income tax expense

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Deferred CIT income arising from deductible temporary difference	130,496,708	218,133,385
	<u>130,496,708</u>	<u>218,133,385</u>

26. Basic earning per share

Basic earnings per share distributed to common shareholders of the Company are calculated as follows:

	<u>Year 2025</u>	<u>Year 2024</u>
	VND	VND
Net profit after tax	317,453,016,277	350,354,421,130
Adjustments to increase and decrease accounting profit	317,453,016,277	350,354,421,130
Average circulation of common shares in the year	70,000,000	70,000,000
	<u>4,535</u>	<u>5,005</u>

The Company has not planned to make any distribution to Bonus and welfare fund, Bonus for the Board of Management from the net profit after tax at the date of preparing Consolidated Financial Statements.

As at 31 December 2025, the Company does not have shares with dilutive potential for earnings per share.

27. Expenses by nature

	<u>Year 2025</u>	<u>Year 2024</u>
	VND	VND
Resource tax, forest environmental service fees, and water resource exploitation rights fees	133,106,017,582	123,197,582,561
Labour expenses	56,165,810,699	48,355,100,998
Depreciation expenses	99,883,295,423	97,766,993,635
Others	128,529,098,638	111,848,502,624
	<u>417,684,222,342</u>	<u>381,168,179,818</u>

28. Financial instruments

Financial risk management

The Company's financial risks include market risk, credit risk and liquidity risk.

The Company has developed its control system to ensure the reasonable balance between cost of incurred risks and cost of risk management. The Board of Management of the Company is responsible for monitoring the risk management process to ensure the appropriate balance between risk and risk control.

Market risk

The Company's business operations will bear the risks of exchange rates and interest rates.

Interest rate risk

The Company bears the risk of interest rates due to the fluctuation in fair value of future cash flow of a financial instrument in line with changes in market interest rates if the Company has time or demand deposits, borrowings and debts subject to floating interest rates. The Company manages interest rate risk by analyzing the market competition situation to obtain interest beneficial for its operation purpose.

Credit Risk

Credit risk is the risk of financial loss to the Company if a counterparty fails to perform its contractual obligations. The Company has credit risk from operating activities (mainly to trade receivables) and financial activities (including deposits, loans and other financial instruments).

	Under 1 year	From 1 to 5 years	Total
	VND	VND	VND
31/12/2025			
Cash and cash equivalents	159,591,515,458	-	159,591,515,458
Trade and other receivables	252,451,712,272	955,107,000	253,406,819,272
Loans, time deposits	767,800,000,000	-	767,800,000,000
	1,179,843,227,730	955,107,000	1,180,798,334,730
01/01/2025			
Cash and cash equivalents	107,540,697,741	-	107,540,697,741
Trade and other receivables	378,550,315,144	895,107,000	379,445,422,144
Loans, time deposits	455,000,000,000	15,000,000,000	470,000,000,000
	941,091,012,885	15,895,107,000	956,986,119,885

Liquidity Risk

Liquidity risk is the risk that the Company has trouble in settlement of its financial obligations due to the lack of funds. Liquidity risk of the Company is mainly from different maturity of its financial assets and liabilities.

Due date for payment of financial liabilities based on expected payment under the contracts (based on cash flow of the original debts) as follows:

	Under 1 year	From 1 to 5 years	Total
	VND	VND	VND
31/12/2025			
Borrowing and debts	52,053,956,580	207,915,826,323	259,969,782,903
Trade and other payables	186,097,845,773	-	186,097,845,773
Accrued expenses	2,663,346,859	-	2,663,346,859
	240,815,149,212	207,915,826,323	448,730,975,535
01/01/2025			
Borrowing and debts	51,903,956,580	259,969,782,903	311,873,739,483
Trade and other payables	49,910,911,577	-	49,910,911,577
Accrued expenses	1,178,210,091	-	1,178,210,091
	102,993,078,248	259,969,782,903	362,962,861,151

The Company believes that risk level of loan repayment is low. The Company has the ability to pay due debts from cash flows from its operating activities and cash received from mature financial assets.

29. Other information

As at the reporting date, the Company did not ensure that at least 10% of the voting shares were held by a minimum of 100 investors who are not major shareholders. Accordingly, the Company did not meet the shareholder structure requirements of a public company as stipulated in Point a, Clause 1, Article 32 of the Law on Securities No. 54/2019/QH14, as amended and supplemented by Point a, Clause 11, Article 1 of Law No. 56/2024/QH15.

30. Subsequent events

There have been no significant events occurring after the reporting period, which would require adjustments or disclosures to be made in the Consolidated Financial Statements.

31. Transaction and balances with related parties

List and relation between related parties and the Company are as follows:

<u>Related parties</u>	<u>Relationship</u>
Vietnam Electricity	Ultimate Parent Company
Power Generation Joint Stock Corporation 2	Parent Company
REE Energy Company Limited	Major shareholder
Thac Mo Hydropower Reservoir Investment and Exploitation JSC	Affiliated company
Thuan Binh Wind Power JSC	Affiliated company
Hydropower Project Management Board No.6	Same Group
Dong Nai Electricity Mechanical Joint Stock Company	Same Group
Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company	Same Group
Power Engineering Consulting JSC 1 ("PECC1")	Same Group
Power Engineering Consulting JSC 2 ("PECC2")	Same Group
Power Engineering Consulting JSC 3 ("PECC3")	Same Group
Power Engineering Consulting JSC 4 ("PECC4")	Same Group
A Vuong Hydropower JSC	Same Group
Dong Nai Power Company - Branch of Southern Power Corporation	Same Group
Electricity Power Trading Company	Same Group
REE Tra Vinh Wind Power Co., Ltd.	Related party
	Mr. Nguyen Quang Quyen – Member of the BOD
Ho Chi Minh City Electricity Testing Company	Same Group
Southern Electrical Testing Company	Same Group
Song Bung Hydropower Company	Same Group
Tuyen Quang Hydropower Company	Same Group
A Vuong Hydro Joint Stock Company	Same Group
Information Technology Centre of Vietnam Electricity	Same Group
Southern Power Corporation	Same Group
Ho Chi Minh City Power Corporation	Same Group
The members of the Board of Directors, the Board of Management, the Board of Supervision	

In addition to the information with related parties presented in the above Notes, during the year, the Company has transactions with related parties as follows:

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Sales of electricity and services rendered	748,827,641,906	757,684,072,227
Electricity Power Trading Company	736,379,624,723	747,294,193,741
Vietnam Electricity	11,715,847,860	9,447,738,253
Dong Nai Power Company - Branch of Southern Power Corporation	316,817,733	318,019,518
REE Tra Vinh Wind Power Co., Ltd.	415,351,590	599,031,109
Tuyen Quang Hydropower Company	-	25,089,606
Purchasing	16,833,106,845	10,992,204,097
Dong Nai Power Company - Branch of Southern Power Corporation	4,510,425,618	4,274,165,732
Dong Nai Electricity Mechanical Joint Stock Company	-	220,000,000
Song Bung Hydropower Company	-	382,754,043
Southern Power Corporation	-	174,943,304
Information Technology Centre of Vietnam Electricity	-	304,583,145
Ho Chi Minh City Power Corporation	65,424,177	192,239,355
Power Engineering Consulting JSC 1 ("PECC1")	81,551,172	-
Power Engineering Consulting JSC 2 ("PECC2")	425,812,783	406,481,481
Power Engineering Consulting JSC 3 ("PECC3")	11,396,476,731	4,417,777,778
Power Engineering Consulting JSC 4 ("PECC4")	-	619,259,259
A Vuong Hydro Joint Stock Company	353,416,364	-
Dividends distributed	2,880,000,000	23,730,000,000
Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company	2,700,000,000	23,625,000,000
Dong Nai Electricity Mechanical Joint Stock Company	180,000,000	105,000,000
Dividends	145,607,528,000	376,130,718,920
Power Generation Joint Stock Corporation 2	79,951,300,000	206,528,744,500
REE Energy Company Limited	65,656,228,000	169,601,974,420

The income of the Board of Directors, the Board of Management and Supervisory Board, during the year as follow:

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
The Board of Directors	2,198,169,000	2,161,519,000
Mr. Huynh Van Khanh	768,457,000	692,620,000
Mr. Nguyen Van Non (Resigned on 01 October 2025)	559,874,000	663,643,000
Mr. Nguyen Quang Quyen	124,262,000	107,172,000
Mr. Le Tuan Hai	124,262,000	107,172,000
Mr. Pham Minh Tri	621,314,000	590,912,000
The Board of Management and Chief accountant	1,942,074,000	1,723,298,000
Mr. Nguyen Le Hoang (Appointed on 01 October 2025)	234,222,000	-
Mr. Nguyen Hung Luong (Resigned on 01 December 2025)	569,538,000	590,912,000
Mr. Dinh Van Son	621,314,000	590,912,000
Ms. Bui Thi Kim Na	517,000,000	541,474,000

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ NĂM 2025**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/09/2025;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (Công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

I. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 ngày 27/06/2025, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Công ty xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty đã duy trì nhiều năm qua, cụ thể như sau:

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty so với Nghị quyết ĐHĐCĐ

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Nội dung	KH năm 2025 (ĐHĐCĐ giao)	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng điện sản xuất (Tr.kWh)	732	825	113%
2	Tổng doanh thu	703,46	712,92	101%
3	Tổng chi phí	362,72	350,47	97%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	340,74	362,45	106%
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	289,89	303,78	105%
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	20%	30%	150%

1.2 Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2025 của Công ty so với thực hiện năm 2024.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	So sánh 2025/2024
1	Tổng doanh thu	831,334	822,381	99%
2	Tổng chi phí	405,721	435,805	107%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	425,612	386,576	91%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	355,153	323,055	91%
4.1	<i>Trong đó, LNST của Công ty Mẹ</i>	350,354	317,453	91%
4.2	<i>LNST của CĐ không kiểm soát</i>	4,799	5,602	117%

II. Các hoạt động của HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến thành viên HĐQT, ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền

HĐQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo quy chế làm việc của HĐQT, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Năm 2025, HĐQT đã thực hiện 04 cuộc họp HĐQT và các cuộc họp khác bằng cách lấy phiếu ý kiến để thực hiện các nghị quyết đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm; hoạch định kế hoạch kinh doanh theo quý, năm; giải quyết các vấn đề về đầu tư phát triển, các định hướng chiến lược và phát triển kinh doanh. Đã ký ban hành các nghị quyết, quyết định đúng chức trách nhiệm vụ của HĐQT.

Trong năm 2025, từng Thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình theo quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các nhiệm vụ được phân công theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty, các bên có quyền, lợi ích liên quan và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành một cách sát sao và kịp thời để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

2. Chi trả cổ tức năm 2024

Căn cứ vào phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 về chỉ tiêu cổ tức chia cho cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện chi trả hoàn thành cổ tức năm 2024 cho cổ đông.

3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành Công ty

Ban điều hành Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Ban điều hành đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách có hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua việc thực hiện tốt việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động và tối ưu hóa chi phí của Công ty.

Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban điều hành thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất, hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của Công ty để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, HĐQT Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Sản lượng điện sản xuất: 762 triệu kWh (trong đó: Thủy điện 693 triệu kWh, điện mặt trời 69 triệu kWh).

- Tổng doanh thu: 676,17 tỷ đồng.

- Tổng chi phí: 386,06 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 290,11 tỷ đồng.

- Tỷ lệ chia cổ tức: 20%.

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch nói trên, HĐQT xác định mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược trong năm 2026 của Công ty như sau:

1. Vận hành an toàn các nhà máy, khai thác tối ưu hồ chứa, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu hệ thống bên cạnh thực hiện tiết kiệm điện hiệu quả.

2. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, triển khai các giải pháp không để xảy ra sự cố, nâng cao độ tin cậy và kéo dài tuổi thọ các tổ máy.

3. Thực hiện thủ tục để tham gia đấu thầu chủ đầu tư dự án Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ giai đoạn 2 (100 MWp).

4. Thực hiện thủ tục để bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện của tỉnh Đồng Nai đối với Dự án Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ giai đoạn 2 (275 MWp).

5. Tiếp tục tìm kiếm đầu tư dự án nguồn điện có hiệu quả để mở rộng quy mô và tăng năng lực sản xuất điện của Công ty.

6. Đầu tư hệ thống điện mặt trời mái nhà tự sản tự tiêu.

7. Thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng kho vật tư thiết bị.

8. Thực hiện tốt công tác quản lý, quy hoạch sử dụng và khai thác hiệu quả đất đai Công ty. Hoàn thiện hồ sơ pháp lý để bảo vệ các khu đất tại: Khu vực Đập Tràn, Bán đảo Sơn Trung, Khu đất dự trữ an toàn đập, đất hành lang bảo vệ công trình,...

9. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

10. Thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, thực thi văn hóa Công ty, quy tắc ứng xử, đảm bảo ổn định việc làm, thu nhập và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Năm 2025, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ; đoàn kết, trách nhiệm cùng Ban điều hành, người lao động hoàn thành Nghị quyết Cổ đông giao. HĐQT cam kết tiếp tục nỗ lực cùng tập thể cán bộ Lãnh đạo và toàn thể Người lao động khắc phục khó khăn, thách thức để hoàn thành tốt nhất các mục tiêu, kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra trong năm 2026.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ trong năm 2025 và những mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược trong năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NPTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Khánh

BÁO CÁO
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP
CÔNG TY TRONG BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị thuộc bộ phận Kiểm toán nội bộ (KTNB) xin được báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động và giám sát năm 2025 như sau:

I. Tổ chức bộ máy và hoạt động của bộ phận KTNB:

1. Thành phần, cơ cấu bộ phận KTNB:

Ông Lê Tuấn Hải - Thành viên độc lập HĐQT, Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ.

2. Cơ chế hoạt động của bộ phận KTNB:

Bộ phận KTNB hoạt động theo Quy chế hoạt động do HĐQT ban hành, phù hợp với Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành (Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155 hướng dẫn Luật Chứng khoán, Thông tư 116 hướng dẫn Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Nghị định 155).

3. Các cuộc họp của bộ phận kiểm toán nội bộ trong năm 2025:

Stt	TV HĐQT độc lập trong bộ phận KTNB	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp và biểu quyết
01	Ông Lê Tuấn Hải	3/3	100%

4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Thành viên độc lập HĐQT trong bộ phận kiểm toán nội bộ:

- Chi tiết thù lao của các thành viên thuộc bộ phận KTNB được thể hiện trong báo cáo hoạt động của HĐQT. Ngoài phần thù lao này, các thành viên bộ phận KTNB không hưởng thêm các khoản lợi ích hay thù lao nào khác.

- Chi phí hoạt động của bộ phận KTNB năm 2025: tuân thủ các quy định nội bộ của Công ty.

5. Hoạt động giám sát của bộ phận KTNB đối với vấn đề quản trị của công ty:

- Bộ phận KTNB thực hiện giám sát các vấn đề quản trị công ty thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT; việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và Tổng giám đốc.

- Hoạt động giám sát của bộ phận KTNB được triển khai đa dạng qua các kênh báo cáo và tiếp xúc với các thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng cũng như đơn vị kiểm toán độc lập.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, bộ phận KTNB luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành, các cán bộ quản lý liên quan và luôn nhận được sự hợp tác từ phía Ban điều hành.

- Bộ phận KTNB thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý hoặc đột xuất kết quả giám sát lên HĐQT.

II. Kết quả giám sát của bộ phận KTNB:

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và kiến nghị của bộ phận KTNB:

- Tất cả các vấn đề quan trọng đều được thảo luận công khai, dân chủ trong HĐQT. Các vấn đề được đánh giá, thảo luận thấu đáo, cân trọng để đi đến quyết định thống nhất trước khi ban hành Nghị quyết.

- Tổng giám đốc và Ban điều hành luôn bám sát và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

- Báo cáo giám sát của bộ phận KTNB được gửi đến HĐQT xem xét. Các khuyến nghị được chấp thuận và gửi đến Ban điều hành và đơn vị liên quan.

2. Báo cáo tài chính và hệ thống kế toán:

- Bộ phận KTNB ghi nhận và thông qua báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 đã được kiểm toán. BCTC năm 2025 đã được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, không phát hiện các sai sót trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính trung thực của BCTC.

- Các BCTC quý, bán niên cũng được bộ phận KTNB xem xét định kỳ, làm rõ các thông tin tài chính, đầu tư trọng yếu.

- Không phát hiện các biến động bất thường đối với các khoản mục trọng yếu về tài sản và kết quả kinh doanh. Các chính sách kế toán và nguyên tắc xác định ước tính kế toán được áp dụng nhất quán. Trường hợp có phát sinh mới trong việc áp dụng chính sách kế toán đều được xem xét, đánh giá, thảo luận kỹ lưỡng và đạt được sự đồng thuận với bộ phận KTNB và đơn vị kiểm toán độc lập trước khi thực hiện.

3. Giao dịch với các bên liên quan:

Giao dịch với các bên liên quan được kiểm soát chặt chẽ và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy định của công ty về kiểm soát và giao dịch giữa các bên liên quan, không phát hiện vấn đề cần lưu ý.

4. Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro:

- Hoạt động quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ đã có những cải thiện rõ rệt được ghi nhận.

- Các quy trình hoạt động được ban hành trong công ty, các rủi ro trọng yếu được phát hiện và theo dõi, quản lý sát sao để có thể nhận dạng kịp thời, đánh giá phù hợp và có hành động xử lý thích hợp.

- Các khó khăn, vướng mắc, rủi ro trọng yếu được phát hiện và báo cáo kịp thời hoặc qua các cuộc họp Ban điều hành hàng tháng có sự tham gia của lãnh đạo cấp cao nhất để ứng phó và giải quyết quyết liệt, hiệu quả.

5. Kiểm toán nội bộ:

- Chức năng kiểm toán nội bộ có vị thế và vai trò rất quan trọng trong hệ thống quản trị công ty và đã được thiết kế, tổ chức thực hiện theo các quy định của pháp luật.

- Hoạt động kiểm toán nội bộ đã giúp Ban lãnh đạo phát hiện kịp thời các khiếm khuyết trong hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trọng yếu mới nổi lên để khuyến nghị các giải pháp phù hợp, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát và quản lý rủi ro.

- Năm 2025, KTNB đã hoàn thành công việc được giao theo kế hoạch hoạt động được phê duyệt.

- KTNB luôn theo dõi để đảm bảo hoạt động KTNB có hiệu quả có chất lượng, hiệu quả.

- Trong năm qua, Ban lãnh đạo đã quan tâm, củng cố nguồn lực cho KTNB đáp ứng nhu cầu kiểm soát của công ty cũng như kỳ vọng của KTNB.

6. Các vấn đề tuân thủ pháp luật:

- Công ty đã ban hành và thực hiện nghiêm túc các quy trình kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Hàng quý, KTNB thực hiện đánh giá rủi ro pháp lý dựa trên báo cáo của Ban điều hành để đảm bảo rằng các rủi ro pháp lý được kiểm soát thích hợp.

7. Đánh giá kết quả và chất lượng kiểm toán độc lập:

Bộ phận KTNB đánh giá Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng kiểm toán đã ký kết với Công ty, đáp ứng kỳ vọng của bộ phận KTNB trên các tiêu chí như: Đảm bảo độ tin cậy, trung thực và chất lượng của báo cáo kiểm toán trên các khía cạnh trọng yếu; tuân thủ thời hạn kiểm toán theo quy định, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT trong bộ phận KTNB năm 2025, kính trình ĐHĐCĐ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TKCT.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026
TRƯỞNG BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT



Lê Tuấn Hải

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
NĂM 2025**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ – lần sửa đổi 11 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2025;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch hoạt động kiểm soát năm 2026 của Ban kiểm soát như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH,
THẨM TRA TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2025**

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 so với Nghị quyết

ĐHĐCĐ:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng điện (sản xuất)	Triệu kWh	732	825	112%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	703.457	712.924	101%
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	362.716	350.475	97%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	340.741	362.449	106%
5	Thuế TNDN	Triệu đồng	50.892	58.666	115%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	289.849	303.783	105%
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức trên VDL	%	20%	30%	150%

Ghi chú: Tỷ lệ chi trả cổ tức trên VDL thực hiện năm 2025 căn cứ trên phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua.

Ban kiểm soát nhận xét, đánh giá trong năm 2025 Công ty hoạt động SXKD hiệu quả, các chỉ tiêu về sản lượng điện, doanh thu, lợi nhuận đều vượt kế hoạch ĐHĐHĐ giao. Trong đó, kế hoạch sửa chữa lớn bổ sung năm 2025 thay hai máy biến áp 1T và 2T cũng đã được Công ty hoàn thành. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025 HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua là 30%, thực hiện chi trả bằng tiền, vượt tỷ lệ ĐHĐCĐ đã đề ra.

2. Kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2024	TH 2025	TH 2025 / 2024
1	Sản lượng điện (sản xuất)	Triệu kWh	810	927	114%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	831.334	822.381	99%
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	405.721	435.805	107%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	425.612	386.575	90,8%
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	355.153	323.054	90,9%
6.1	<i>Trong đó, LNST của Công ty Mẹ</i>	Tỷ đồng	350.354	317.453	90,6%
6.2	<i>LNST của CĐ không kiểm soát</i>	Tỷ đồng	4.799	5.601	116,7%
7	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	%	22,72	19,99	

Kết quả SXKD hợp nhất của Công ty giảm so với năm 2024, nguyên nhân khách quan chủ yếu do giá bán điện của nhà máy thủy điện thấp hơn cùng kỳ năm trước. Giá bán điện phụ thuộc cơ chế điều chỉnh Qc theo sản lượng phương thức tháng, dẫn đến sản lượng tham gia thị trường của nhà máy bị giảm. Đồng thời, doanh thu hoạt động tài chính cũng giảm do cổ tức thu được từ các khoản đầu tư tại doanh nghiệp khác năm 2025 thấp hơn năm 2024. Tuy nhiên, các đơn vị đều nỗ lực phấn đấu đạt kế hoạch SXKD và thực hiện chi trả cổ tức kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra. Tỷ lệ cổ tức năm 2025 của Mỹ Hưng Tây Nguyên và Đăkrosa lần lượt là 8% và 16%.

3. Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2025

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính, thống nhất với ý kiến của kiểm toán viên:

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn

mục kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và hợp nhất.

Tuy nhiên, Ban kiểm soát lưu ý theo Báo cáo kiểm toán có nêu “Vấn đề cần nhấn mạnh”: Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty không đáp ứng điều kiện cơ cấu cổ đông của công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán (cụ thể tỷ lệ sở hữu của các cổ đông không phải cổ đông lớn chỉ đạt 5,45%, thấp hơn mức tối thiểu 10%). Vấn đề này cũng đã được Công ty công bố thông tin giải trình tại văn bản số 96/TMP-TCKT ngày 13/01/2026 và văn bản số 765/TMP-TCKT ngày 31/3/2026.

3.1 Các chỉ tiêu Báo cáo tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Đvt	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025
- Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	943.849	1.189.904
- Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.081.082	1.062.100
- Tổng cộng tài sản	Triệu đồng	2.024.931	2.252.005
- Nợ phải trả	Triệu đồng	485.027	558.974
- Nguồn vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.539.905	1.693.031
- Tổng cộng nguồn vốn	Triệu đồng	2.024.931	2.252.005

3.2 Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	46,61%	52,84%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	53,39%	47,16%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn	23,96%	24,82%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	29,63%	31,65%
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	76,04%	75,18%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	4,59	3,57
- Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	4,17	4,03
- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	4,60	3,59
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	17,03%	15,11%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	22,71%	19,99%

Báo cáo tình hình kinh doanh hợp nhất và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty phản ánh:

1) Các chỉ tiêu về cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

Tỷ lệ tài sản ngắn hạn và dài hạn trong cơ cấu tổng tài sản có biến động nhẹ so với năm trước. Đặc thù của các nhà máy điện là tài sản dài hạn thường chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng tài sản. Tuy nhiên do Công ty đã vận hành lâu năm, giá trị còn lại của TSCĐ sau khấu hao còn khá thấp nên tỷ trọng của tài sản dài hạn càng về sau có xu hướng càng giảm. Trong khi đó tài sản ngắn hạn 2025 tăng do tiền thu được từ SXKD và mức tạm ứng cổ tức thấp hơn năm trước.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn chiếm tỷ trọng lớn hơn $\frac{3}{4}$, không biến động nhiều so với năm trước. Nợ phải trả của Công ty chủ yếu là khoản vay cho dự án điện mặt trời và sẽ giảm dần nợ gốc qua các năm. Chiếm phần lớn trong cơ cấu nguồn vốn là vốn góp của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2) Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán tổng quát của Công ty đều có hệ số lớn hơn 3 lần, đảm bảo khả năng chi trả của Công ty.

3) Các chỉ tiêu về hiệu quả: ROA và ROE của Công ty có giảm so với năm trước do nguyên nhân khách quan khiến doanh thu giảm như đã nêu, tuy nhiên vẫn ở mức tốt so với trung bình các năm.

Qua các chỉ tiêu tài chính đã phân tích, Ban kiểm soát nhận xét, đánh giá trong năm 2025 Công ty hoạt động SXKD hiệu quả, tình hình tài chính ổn định, dòng tiền luôn được bảo đảm để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, chi trả cổ tức, trả nợ vay, ... và các hoạt động khác. Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.

PHẦN THỨ HAI

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2025

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

1. Bà Lê Nguyễn Khánh Linh - Trưởng ban.
2. Bà Đoàn Sử Ngọc Trân - Thành viên.
3. Bà Lai Lệ Hương - Thành viên.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã bám sát kế hoạch hoạt động năm 2025 và tình hình thực tế của Công ty, thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

- Trình báo cáo hoạt động kiểm soát, báo cáo thẩm định tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên năm 2025.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đối với HĐQT và Ban điều hành.

- Theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty.

- Trình ĐHĐCĐ thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

- Kiểm tra hoạt động SXKD, ĐTXD, tình hình tài chính và các công tác khác trong năm 2025 của Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ.

- Kiểm tra việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của HĐQT, BKS, hoạt động SXKD trong năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 tại Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên (công ty con).

- Theo dõi, giám sát công tác quản trị dòng tiền, quản lý thu hồi nợ khó đòi và các khoản công nợ khác của Công ty.

- Thẩm định tình hình kinh doanh và báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm của Công ty.

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát.

- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành Công ty.

- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, bất thường của Công ty.

Đánh giá: Trong năm 2025, Các thành viên Ban kiểm soát Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát chưa ghi nhận dấu hiệu bất thường nào làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hay vi phạm quy định pháp luật của Công ty trong công tác, hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý. Ngoài ra, Ban kiểm soát không ghi nhận khiếu nại nào của Cổ đông về các sai phạm của HĐQT và Ban điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

PHẦN THỨ BA
ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH
VÀ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

1. Đánh giá công tác quản lý của HĐQT

- Trong năm 2025 Hội đồng quản trị đã giám sát, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

- Hoạt động của HĐQT trong năm 2025 phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức họp HĐQT định kỳ và tổ chức lấy ý kiến bằng phiếu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, ban hành nhiều nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT.

- Kể từ tháng 7/2025, HĐQT đã có bước chuyển biến mới trong công tác quản lý, tăng cường phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định và thực hiện các công việc trong hoạt động của Công ty. Đây cũng là định hướng chung của Tập đoàn Điện lực Quốc Gia Việt Nam, nhằm đẩy mạnh tiến độ, hiệu quả trong mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp.

2. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành

Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực, chủ động trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong đó:

- Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty, luôn tìm kiếm thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động và tối ưu hóa chi phí của Công ty.

- Thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất, hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của đơn vị để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Tổ chức quản lý, vận hành các nhà máy điện sản xuất an toàn, ổn định và hiệu quả; thực hiện tốt Đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành NMTĐ Thác Mơ và Đề án nâng cao hiệu quả quản lý công tác an toàn giai đoạn 2021-2025.

- Có những bước tiến nổi bật trong ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số như: áp dụng phần mềm Dự báo lưu lượng nước, số hóa hồ sơ thư viện, triển khai các đề tài sáng kiến cấp Tập đoàn.

- Đẩy mạnh, tập trung giải quyết công việc sau khi được HĐQT tăng cường phân cấp, phân quyền để đạt kế hoạch, tiến độ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước.

- Đảm bảo tốt việc làm, thu nhập và các chế độ chính sách cho người lao động.

- Không để xảy ra khủng hoảng truyền thông trong năm 2025.

Trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban điều hành đã có sự linh hoạt, chủ động khắc phục các vấn đề tồn tại từ các năm trước và đạt được một số kết quả như: Thu hồi khoản công nợ tồn đọng còn lại liên quan đến dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng và phần lớn công nợ tiền bán điện còn tồn đọng từ các năm trước; Hoàn thành kế hoạch sửa chữa lớn, đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; Hoàn thành việc xin cấp giấy phép khai thác nước mặt cho nhà máy thủy điện Thác Mơ,... Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại như sau:

- Công tác quản lý đất đai còn một số khó khăn: liên quan đến diện tích đất chồng lấn giữa Quy hoạch mở dự trữ (Bauxit) với diện tích đất công trình hồ chứa, đề đập hiện hữu của Nhà máy Thủy điện Thác Mơ; ngăn chặn tình trạng lấn chiếm của người dân vào đất do Công ty quản lý,...

- Các thông tin bất lợi liên quan đến giá FIT nhà máy điện mặt trời.

- Công tác triển khai dự án đầu tư mặc dù đã được Công ty tích cực đẩy mạnh tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng mong đợi. Dự án Điện mặt trời giai đoạn 2 100MWp vẫn đang dừng ở bước xin chủ trương đầu tư của tỉnh Đồng Nai. Bên cạnh đó, việc nhận chuyển giao Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng chưa có tiến triển.

3. Thẩm định báo cáo của HĐQT, Ban điều hành Công ty

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành Công ty trong năm 2025 và thống nhất với số liệu, kết quả báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

PHẦN THỨ BỐN

KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội đồng cổ đông chỉ đạo Công ty thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành kế hoạch năm 2026 được Đại hội đồng cổ đông giao, tiếp

tục triển khai quyết liệt các biện pháp khắc phục tồn tại, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD, ĐTXD, cụ thể một số nội dung trọng tâm như sau:

- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý kỹ thuật là trọng tâm, thường xuyên theo dõi tình trạng của các tổ máy, thiết bị, công trình; chủ động trong công tác bảo trì, sửa chữa nhằm nâng cao độ tin cậy của các tổ máy, thiết bị, công trình; đảm bảo vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả, đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật được giao, tuyệt đối không để xảy ra sự cố vận hành.

- Thực hiện công tác sửa chữa lớn đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ, đúng tính chất và thanh quyết toán theo quy định.

- Bám sát tình hình thủy văn để đáp ứng huy động của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia, đồng thời có giải pháp, chiến lược tham gia thị trường điện hiệu quả, tối ưu giá bán điện, mang lại doanh thu cao nhất có thể cho Công ty.

- Tiếp tục thực hiện việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy chế quản lý nội bộ của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật và của ngành; chủ động cập nhật liên tục các văn bản pháp quy của Nhà nước để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều tuân thủ pháp luật.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện chuyển đổi số và khoa học công nghệ theo kế hoạch, sử dụng hiệu quả Quỹ phát triển khoa học công nghệ.

- Tăng cường công tác quản lý đất đai, làm việc với các cơ quan chức năng địa phương để giải quyết tình trạng bị lấn chiếm, canh tác trên đất Công ty đang quản lý, hoàn chỉnh hồ sơ liên quan đến quyền sử dụng đất.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát hiệu quả các khoản đầu tư tại các doanh nghiệp khác; đặc biệt là công tác SXKD tại các công ty con.

- Tiếp tục quản lý tốt công nợ, tích cực thu hồi nợ phải thu, tạm ứng, không để quá hạn.

- Quyết liệt hơn trong công tác đầu tư dự án nguồn điện, phát triển công suất nguồn của Công ty. Trong đó, tích cực bám sát, làm việc với các cơ quan chức năng tỉnh Đồng Nai, mục tiêu là triển khai dự án Điện mặt trời nổi 100MWp trong năm 2026. Đồng thời, tìm kiếm thêm các cơ hội đầu tư khác và tiếp tục theo đuổi chuyển giao Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng.

PHẦN THỨ NĂM
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM SOÁT NĂM 2026

STT	Nội dung	Thời gian
1	- Giám sát kiểm toán BCTC năm 2025; - Thẩm tra BCTC năm 2025; - Báo cáo giám sát tài chính định kỳ năm 2025; - Trình ĐHĐCĐ đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2026; - Kiểm soát hoạt động SXKD 6 tháng cuối năm 2025 của TMP. - Họp Ban kiểm soát quý I.	Quý I/2026
2	- Lập báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2025 trình ĐHĐCĐ; - Báo cáo giám sát thường xuyên quý I/2026; - Kiểm soát hoạt động SXKD quý I/2026 của TMP; - Họp Ban kiểm soát quý II.	Quý II/2025
3	- Giám sát soát xét BCTC bán niên 2026; - Thẩm tra BCTC bán niên 2026; - Báo cáo giám sát tài chính định kỳ 6 tháng đầu năm 2026; - Kiểm soát hoạt động SXKD quý II/2026 của TMP và tình hình thực hiện quyền và nghĩa vụ của HĐQT, việc công bố thông tin của TMP; - Họp Ban kiểm soát quý III.	Quý III/2025
4	- Báo cáo giám sát thường xuyên quý III/2026; - Kiểm soát hoạt động SXKD quý III/2026 của TMP; - Giám sát kiểm kê tài sản nguồn vốn 2026; - Họp Ban kiểm soát quý IV.	Quý IV/2025
5	- Giám sát thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết/ quyết định HĐQT; việc chấp hành điều lệ, pháp luật của Công ty; - Tham dự các phiên họp HĐQT, các cuộc họp Công ty; - Theo dõi kết quả làm việc của đoàn thanh kiểm tra, kiểm toán, kiểm soát trong và ngoài ngành theo quy định; giám sát kết quả khắc phục của Công ty đối với kiến nghị của các đoàn thanh kiểm tra.	Thường xuyên

Trên đây là báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động kiểm soát năm 2026 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- NPTQT;
- Lưu: VT, BKS.


Lê Nguyễn Khánh Linh

Số: 208/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 27 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch năm 2026
của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/09/2025;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Công ty như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Đvt: đồng

Stt	Nội dung	Phân phối lợi nhuận 2025
I	Tổng lợi nhuận được phân phối (1) + (2)	424.936.475.625
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2025	303.782.545.006
2	Lợi nhuận các năm trước để lại	121.153.930.619
II	Phương án phân phối lợi nhuận	371.791.887.503
1	Quỹ Đầu tư phát triển	151.891.272.503
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	9.900.615.000
3	Cổ tức bằng tiền mặt (30%)	210.000.000.000
	Trong đó:	
	- Đã tạm ứng năm 2025 (10%)	70.000.000.000
	- Còn lại chi trả năm 2026 (20%)	140.000.000.000
4	Lợi nhuận để lại	53.144.588.122

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

- Tỷ lệ cổ tức: 20%.
- Trích quỹ Đầu tư phát triển: 50% lợi nhuận sau thuế.
- Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi: 03 tháng tiền lương thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NPTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Khánh

**TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Thông qua báo cáo tiền lương, thù lao năm 2025 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/09/2025;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo tiền lương, thù lao năm 2025 và dự kiến tiền lương, thù lao năm 2026 của Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) như sau:

1. Tiền lương, thù lao năm 2025 của Thành viên HĐQT và BKS

Tổng: 2.842.968.000 đồng, trong đó:

- | | |
|---|-------------------|
| - Tiền lương Chủ tịch HĐQT | 768.457.000 đồng. |
| - Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát | 642.338.000 đồng. |
| - Tiền lương Thành viên HĐQT chuyên trách 1 (12 tháng) | 621.314.000 đồng. |
| - Tiền lương Thành viên HĐQT chuyên trách 2 (4,5 tháng) | 236.936.000 đồng. |
| - Thù lao Thành viên HĐQT không chuyên trách | 325.399.000 đồng. |
| - Thù lao Thành viên BKS không chuyên trách | 248.524.000 đồng. |

2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của Thành viên HĐQT và BKS

Tổng: 3.072.000.000 đồng, trong đó:

- | | |
|--|-------------------|
| - Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách | 888.000.000 đồng. |
| - Tiền lương Thành viên HĐQT chuyên trách | 720.000.000 đồng. |
| - Thù lao Thành viên HĐQT không chuyên trách | 432.000.000 đồng. |
| - Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách | 744.000.000 đồng. |
| - Thù lao Thành viên BKS không chuyên trách | 288.000.000 đồng. |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NPTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature in blue ink]

Huỳnh Văn Khánh

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thông qua báo cáo giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ với các bên có liên quan năm 2025 và dự kiến các giao dịch năm 2026

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/09/2025;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ với các bên có liên quan như sau:

1. Thông qua báo cáo các giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ với các bên có liên quan năm 2025, nội dung chi tiết như Phụ lục I đính kèm.

2. Thông qua dự kiến các giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ với các bên có liên quan năm 2026, nội dung chi tiết như Phụ lục II đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NPTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Khánh

Phụ lục I

Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ với các bên có liên quan năm 2025
(Đính kèm theo Tờ trình số 210/TTr-HĐQT ngày 27/04/2026)

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ thông qua	Nội dung giao dịch	Tổng giá trị giao dịch (đồng)	Ghi chú
1	Công ty Mua bán điện	Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	0100100079-073	Số 11 phố Cửa Bắc, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Năm 2025	02/NQ-ĐHĐCĐ năm 2025 ngày 27/06/2025	Bán điện	614.556.524.959	

Phụ lục II

Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ với các bên có liên quan dự kiến năm 2026

(Đính kèm theo Tờ trình số 210/TTr-HĐQT ngày 27/04/2026)

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ thông qua	Nội dung giao dịch	Tổng giá trị giao dịch dự kiến (đồng)	Ghi chú
1	Công ty Mua bán điện	Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	0100100079-073	Số 11 phố Cửa Bắc, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Năm 2026		Bán điện	564.099.000.000	

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
**Về việc lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng và
kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ – lần sửa đổi 11 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2025;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các đề xuất và kiến nghị như sau:

1. Thông qua danh sách đơn vị thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ là các đơn vị kiểm toán độc lập thuộc Danh sách doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 theo Quyết định số 902/QĐ-UBCK ngày 19/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đảm bảo các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Giao Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ thực hiện các thủ tục lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định pháp luật.


Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- NPTQT;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**


Lê Nguyễn Khánh Linh

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;


Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/09/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 264/NQ-HĐQT ngày 29/05/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ như sau:

Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung
Điều 2 Khoản 3	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố Thác Mơ 5, Phường Phước Long, Tỉnh Đồng Nai.	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố Thác Mơ 5, phường Phước Long, thành phố Đồng Nai.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NPTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Huỳnh Văn Khánh